



# CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

Trụ sở chính: Số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.32.321.372

Fax: 024.38.457.186

## CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

**Thời gian:** 08 giờ 00 ngày 29/6/2020

**Địa điểm:** Hội trường Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng, Số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
08h00 - 08h30	Đón tiếp đại biểu, cổ đông, kiểm tra thủ tục, phát tài liệu
08h30 - 08h35	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
08h35 - 08h40	Tuyên bố lý do ĐH và giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự
08h40 - 08h50	Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu và bầu cử và thông qua Chương trình nghị sự, Quy chế làm việc của Đại hội
08h50 - 09h00	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động 2020
09h00 - 09h10	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019 và kế hoạch hoạt động 2020
09h10 - 09h40	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2019 và kế hoạch SXKD 2020
09h40 - 09h50	Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019
09h50 - 09h55	Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận 2019
09h55 - 10h00	Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch thù lao năm 2020
10h00 - 10h05	Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2020
10h05 - 10h10	- Báo cáo công khai lợi ích liên quan - Báo cáo về việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty
10h10 - 10h15	Thông qua tờ trình về bổ sung ngành nghề kinh doanh
10h15 - 10h20	Thông qua tờ trình về thay đổi tên Công ty và thay đổi chức danh trong Ban Giám đốc Công ty
10h20 - 10h30	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
10h30 - 10h35	Thông qua việc từ nhiệm/miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS
10h35 - 11h00	Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 gồm: - Thông qua Quy chế bầu cử; - Công bố danh sách ứng viên HĐQT/BKS - Hướng dẫn ghi phiếu và bỏ phiếu bầu cử; Cổ đông thực hiện bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu.
11h00 - 11h30	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội
11h30 - 11h35	Công bố kết quả bầu cử và ra mắt thành viên HĐQT/BKS
11h35 - 11h45	Nghỉ giải lao
11h45 - 11h50	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại hội
11h50 - 11h55	Thông qua Biên bản Đại hội
11h55 - 12h00	Bế mạc Đại hội



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

## **GIẤY XÁC NHẬN**

**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

Tên cổ đông:.....Mã cổ đông:.....  
Số CMND/ĐKKD:.....Cấp ngày.....Tại.....  
Địa chỉ:.....  
Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....  
Tổng số cổ phần đăng ký biểu quyết:.....  
(bằng chữ:.....)

Trong đó:

Số cổ phần sở hữu/đại diện ..... cổ phần;

Số cổ phần được ủy quyền: .....cổ phần;

Xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tổ chức vào 08h00 ngày 29/6/2020 tại Trụ sở Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng, Địa chỉ: 21B phố Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.

**CỔ ĐÔNG**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

.....

*Ghi chú: Đề nghị quý Cổ đông xác nhận việc tham gia (hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự theo mẫu Giấy ủy quyền kèm theo), gửi Fax và bản chính về địa chỉ sau trước 16h00 ngày 24/6/2020*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

Địa chỉ: 21 phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.32.321.372



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

**GIẤY ỦY QUYỀN**

**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

Tên cổ đông: .....  
Số CMND/ĐKKD ..... Cấp ngày: ..... tại: .....  
Địa chỉ: .....  
Tổng số cổ phần sở hữu: ..... cổ phần, Bằng chữ: .....

Nay tôi ủy quyền cho:

Ông (bà): .....  
CMND số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
Địa chỉ: .....  
Số cổ phần ủy quyền: .....

**Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên Ban lãnh đạo của Công ty có tên dưới đây  
(đánh dấu x vào ô vuông):**

- Ông Lê Xuân Khôi – Chủ tịch HĐQT;
- Ông Trần Khắc Mạnh – Giám đốc Công ty
- Ông Phùng Thanh Hồng – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty;

Được thay thế Tôi/Công ty tham dự Đại hội cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tổ chức vào 08h00 ngày 29/6/2020 và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Giấy Ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên của Công ty.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật hiện hành

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

*Ghi chú: Xin vui lòng gửi Fax và bản chính Giấy ủy quyền về địa chỉ sau trước 16h00 ngày 24/6/2020*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

Địa chỉ: 21 phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.32.321.372

Số: 665 /QC- HDQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2020

**QUY CHẾ  
LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

**CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Quy định chung**

Quy chế này quy định quyền, nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông; trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia Đại hội cổ đông; cách thức thảo luận tại Đại hội cổ đông thường niên 2020 của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng (sau đây gọi tắt là “Đại hội”) nhằm đảm bảo Đại hội đạt kết quả.

**Điều 2: Mục đích**

Quy định này nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội được tiến hành đúng trình tự và thủ tục luật định và phù hợp với quy định của pháp luật; đảm bảo cho Đại hội được tiến hành trong trật tự, an toàn, đúng thời gian trong chương trình nghị sự của Đại hội; đảm bảo cho các cổ đông thực thi các quyền và lợi ích hợp pháp của mình một cách dân chủ, bình đẳng và đoàn kết, phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững Công ty.

**Điều 3: Chương trình nghị sự**

1. Chương trình nghị sự của Đại hội được gửi trước cho các cổ đông kèm theo Thư mời họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội (cụ thể là trước 16 giờ ngày 23/6/2020). Kiến nghị phải ghi rõ: tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, mã số cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chấp nhận và đưa các kiến nghị này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung hoặc vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



3. Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc Đại hội.

#### **Điều 4: Nghĩa vụ của Cổ đông tại Đại hội**

Cổ đông khi tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự;
2. Xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón;
3. Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp;
4. Không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong Hội trường;
5. Giao tiếp hòa nhã, thân thiện; không được bỏ về giữa giờ khi chưa có sự đồng ý của chủ tọa Đại hội;
6. Phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức đại hội quy định và tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức;
7. Tuyệt đối tuân thủ sự điều hành của chủ tọa, chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của chủ tọa.

### **CHƯƠNG II: TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

#### **Điều 5: Các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông thông qua**

Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động 2020;
2. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019 và kế hoạch hoạt động 2020;
3. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2019 và kế hoạch SXKD 2020;
4. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019;
5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019;
6. Mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao 2020;
7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020;
8. Thông báo công khai các lợi ích có liên quan; Báo cáo về việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty;
9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh;

10. Thông qua việc thay đổi tên Công ty và thay đổi chức danh trong Ban Giám đốc Công ty;

11. Thông qua dự thảo sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty;

12. Thông qua việc từ nhiệm/miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT/BKS.

#### **Điều 6: Đoàn chủ tịch**

Điều hành Đại hội là Đoàn Chủ tịch, gồm có Chủ tịch (là Chủ tịch Hội đồng quản trị) và các thành viên do Chủ tịch giới thiệu. Chủ tịch là người chủ trì Đại hội (Chủ tọa). Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đoàn Chủ tịch có trách nhiệm:

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các qui chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp có người tham dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

4. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

5. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

#### **Điều 7: Thư ký Đại hội**

1. Giúp việc cho Đoàn Chủ tịch và Đại hội là Thư ký Đại hội. Thư ký Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Thư ký có nhiệm vụ:

a) Ghi chép đầy đủ và trung thực các nội dung của Đại hội.

b) Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố các văn kiện, kết luận hoặc thông báo gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c) Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông; soạn thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

### **Điều 8: Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 04 người do Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng cử ra và có trách nhiệm:

1. Giúp Chủ tọa Đại hội kiểm tra các điều kiện để tiến hành Đại hội;
2. Kiểm tra tư cách của cổ đông dự họp;
3. Phát phiếu biểu quyết cho Cổ đông trong danh sách dự họp trước giờ khai mạc;
4. Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.

### **Điều 9: Ban kiểm phiếu**

Ban Kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

1. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết;
2. Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết;
3. Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông;
4. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội, công bố kết quả biểu quyết;
5. Giao kết quả kiểm phiếu biểu quyết cho Đoàn Chủ tịch hoặc Thư ký Đại hội.

### **Điều 10: Các quyền của Cổ đông**

1. Cổ đông Công ty có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội quy định) cho 01 (một) người đại diện tham dự và phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cho các cổ đông khi đến tham dự Đại hội cần phải mang theo giấy tờ tùy thân gồm: CMND (hoặc hộ chiếu), Giấy mời tham dự, Giấy ủy quyền tham dự Đại hội nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và sẽ được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết để tham gia biểu quyết.

Cổ đông, đại diện cổ đông tới dự Đại hội muộn, được đăng ký và sau đó có quyền biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Cổ đông được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai thông tin về Chương trình Đại hội đồng cổ đông, được phát tài liệu liên quan đến nội dung Đại hội và có trách nhiệm:

- a) Tuân thủ Nội quy Đại hội.
- b) Phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức.



d) Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.

e) Chấp hành sự điều khiển của chủ tọa Đại hội.

### **CHƯƠNG III: THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI**

#### **Điều 11: Thảo luận tại Đại hội**

Khi thảo luận các vấn đề trong chương trình Đại hội, cổ đông cần tuân thủ các quy định sau đây:

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa chấp thuận cho phát biểu.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua để đảm bảo đại hội được tiến hành đúng như chương trình nghị sự đã thông qua, nội dung không bị vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

3. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp theo tuần tự và chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến trùng lặp với nhau thì Đoàn Chủ tịch sẽ chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các cổ đông. Sau khi không còn ý kiến phát biểu của các cổ đông, Chủ tọa sẽ lần lượt trả lời ý kiến của từng cổ đông hoặc chỉ định người có trách nhiệm trong Ban điều hành Công ty trả lời các ý kiến này.

#### **Điều 12: Biểu quyết tại Đại hội**

1. Nguyên tắc biểu quyết :

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện

b) Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ biểu quyết (màu vàng) và 01 Phiếu biểu quyết (màu trắng) trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng

2. Thẻ lệ biểu quyết:

a) Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Đối với những vấn đề như: thông qua chương trình nghị sự; thông qua việc đề cử các nhân sự phục vụ Đại hội như: Thông qua chương trình đại hội; Thông qua quy chế làm việc của Đại hội; Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch; Thư ký đại hội, Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội, các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến:

tán thành hay không tán thành); những cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết được xem như không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

b) Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình tại Đại hội. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

- Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để đồng ý, hoặc không đồng ý, hoặc không có ý kiến một vấn đề bằng cách cổ đông đánh dấu “X” vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: “Đồng ý”, “Không đồng ý” và “Không có ý kiến”. Sau khi biểu quyết hết các nội dung, cổ đông biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của cổ đông để thống kê kết quả.

- Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông ký nháy bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

### 3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

### **Điều 13: Biên bản Đại hội**

Các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Biên bản và Nghị quyết phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng

Kính trình Đại hội xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- HĐQT
- Lưu VT, PC&QHCB, HĐQT



Lê Xuân Khôi

Số: ~~363~~ /BC-HDQT

Hà Nội, ngày 11 tháng 1 năm 2020

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải xi măng, Hội đồng quản trị xin báo cáo công tác quản lý năm 2019 như sau:

### I. Đặc điểm tình hình

#### 1. Thuận lợi:

- Xác định năm 2019 là năm “bứt phá” phấn đấu thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 với phương châm hành động “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả”. Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; nền kinh tế nước ta đang tương đối ổn định và xu hướng tăng trưởng khá bền vững, lạm phát được kiểm soát, tốc độ tăng trưởng GDP ở mức cao (tăng 7,02%); ngành xây dựng tăng trưởng 8,9% so với cùng kỳ.

- Đối với toàn VICEM hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn ổn định và phát triển tổng sản phẩm tiêu thụ Clinker và Xi măng đạt 29,973 triệu tấn, tăng gần 2,6% so với năm 2018.

- Trong năm 2019, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 luôn là một tập thể có tính kế thừa, có tinh thần đoàn kết và thống nhất cao, coi trọng dân chủ và tuệ tập trung, luôn nhận được sự ủng hộ, đồng tình của tập thể cán bộ, công nhân viên lao động trong toàn Công ty, sự tin tưởng của các cổ đông và các nhà đầu tư.

#### 2. Khó khăn:

- Kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và bất ổn chính trị thế giới dẫn đến sản xuất kinh doanh trong nước chịu nhiều áp lực.

- Thời tiết, biến đổi khí hậu khó lường.

- Công ty chịu nhiều yếu tố bất lợi tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh như:

+ Ngành khai khoáng nói chung gặp nhiều khó khăn; Than nội địa tập trung phục vụ nhiệt điện, lượng cung than hạn chế đối với Ngành công nghiệp xi măng;

+ Chịu sự cạnh tranh từ than nhập khẩu do giá than thế giới thấp hơn giá than nội địa.

+ Dư nợ tiền mua than của các công ty xi măng đối với Công ty luôn giữ ở mức rất cao so với thỏa thuận trong hợp đồng đã ảnh hưởng đến cân đối tài chính và lợi nhuận của Công ty.

+ Kinh doanh bất động sản có sự cạnh tranh rất lớn đến từ các dự án trong khu vực, diện tích và giá trị các căn hộ còn lại của Công ty lớn không thuộc phân khúc ưu tiên của thị trường;

## II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2019.

Trên cơ sở nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua, định hướng chiến lược của Tổng công ty Xi măng Việt Nam. Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị công ty đã phân tích, đánh giá những cơ hội, thách thức, trên cơ sở đó đề ra nhiều biện pháp và định hướng đúng đắn trong lãnh đạo, quản lý và điều hành, làm tốt công tác thị trường, hợp tác chặt chẽ với các công ty thành viên trong VICEM và các đơn vị bạn hàng, nên đã triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác năm 2019. Cụ thể:

### 1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019:

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với KH (%)
Sản lượng hàng hoá bán ra	tấn	1.500.000	882.101	59
Doanh thu	tỷ đồng	3.826,810	2.175,599	57
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	59,183	16,394	28
Nộp ngân sách	tỷ đồng	29,266	21,149	72
Cổ tức (tạm ứng)	%	10	10	0
Tiền lương NLĐ	Tr.đồng	14	13	93

*Thực hiện thanh toán cổ tức lần 2 năm 2018 là 10%*

#### a) Kinh doanh than

- Sản lượng bán ra đạt 882.101 tấn/KH 1.500.000 tấn, đạt 59% so với kế hoạch năm 2019.

- Giá than nhập khẩu giảm mạnh, để đảm bảo hiệu quả chung các Công ty SXXM không thực hiện mua than theo đúng sản lượng đã ký với Công ty.

## b) Kinh doanh Bất động sản

Nguồn cung ngày càng tăng, nên các sản phẩm của dự án (căn hộ, văn phòng) chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các dự án lân cận.

- Năm 2019, Công ty bán được 14 căn hộ, lũy kế đến hết năm 2019 bán được 68/100 căn hộ, đạt 68%. Đã được Sở Tài nguyên Môi trường cấp 44 sổ hồng.

- Cho thuê sàn văn phòng: tăng thêm 1.948 m<sup>2</sup>/kế hoạch 4.066,07 m<sup>2</sup>, hết năm 2019 cho thuê lũy kế được 6.413 m<sup>2</sup>/9.362 m<sup>2</sup>, lấp đầy 68,5% tổng diện tích cho thuê. Doanh thu cho thuê là 18,525 tỷ đồng, đạt 92,13% so với kế hoạch.

## 2. Về công tác đầu tư xây dựng

- Cuối Quý IV, Công ty đã trình VICEM xin thỏa thuận phê duyệt quyết toán dự án tòa nhà Comatce Tower với giá trị 660,430 tỷ đồng/Tổng mức đầu tư phê duyệt 804 tỷ đồng tiết kiệm được hơn 144 tỷ đồng.

- Giá trị thanh toán cho dự án cả năm 2019 là: 73,839 tỷ đồng/Kế hoạch 83,149 tỷ đồng, đã tiết giảm được giá trị quyết toán các gói thầu.

## 3. Công tác mở rộng thị trường:

Đối với công tác triển khai đề án đưa rác thải/bùn ứng dụng thay thế tiết kiệm nguyên nhiên liệu đốt cho các lò xi măng thuộc VICEM, Vicem Comatce đã có các báo cáo VICEM thường xuyên và đảm bảo về tiến độ nghiên cứu đề án của VICEM.

## 4. Về công tác quản lý và một số mặt công tác khác

Với quyền hạn, nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và tình hình thực tế của Công ty. Năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất để xử lý những nội dung công việc thuộc thẩm quyền, tập trung chỉ đạo và có 26 nghị quyết, quyết định kịp thời phục vụ công tác tổ chức, sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và các mặt công tác khác. Cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	77/NQ-HĐQT	15/01/2019	Phiên họp định kỳ HĐQT Quý IV năm 2018.
2	180/QĐ-VTVT	30/01/2019	V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
3	278/NQ-HĐQT	18/02/2019	V/v công tác cán bộ chủ trương bổ nhiệm lại Kế toán trưởng.
4	319/QĐ-VTVT	25/02/2019	V/v thông qua các hợp đồng năm 2019 với Công ty TNHH Long Sơn.
5	Nghị quyết HĐQT	15/03/2019	Về giải pháp kích cầu bán hàng sản phẩm dự án Comatce Tower.
6	408/NQ-HĐQT	15/03/2019	V/v thống nhất phương án điều chỉnh, bổ

			sung quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2016-2021.
7	436/NQ-HĐQT	21/03/2019	V/v bổ nhiệm lại cán bộ.
8	462/NQ-HĐQT	31/03/2019	V/v thống nhất công tác tổ chức, cán bộ.
9	554/NQ-HĐQT	18/04/2019	V/v bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng Công ty
10	575/NQ-HĐQT	22/04/2019	Phiên họp HĐQT Quý I/2019
11	577/NQ-HĐQT	22/04/2019	V/v ủy quyền vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động VICEM comatce năm 2019
12	659/NQ-HĐQT	13/05/2019	V/v công tác cán bộ
13	674/NQ-HĐQT	15/05/2019	V/v phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2019
14	667/NQ-HĐQT	15/05/2019	V/v rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021 và xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026
15	762/NQ-HĐQT	07/06/2019	V/v chi thưởng Người quản lý Công ty năm 2018
16	777/NQ-HĐQT	11/06/2019	V/v ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019
17	947/NQ-HĐQT	18/07/2019	Phiên họp HĐQT quý III năm 2019 Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng
18	975/NQ-HĐQT	30/07/2019	V/v chi trả cổ tức còn lại năm 2018
19	1226/NQ-HĐQT	04/10/2019	Phiên họp HĐQT Quý IV năm 2019 Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng
20	1315/NQ-HĐQT	30/10/2019	V/v công tác cán bộ
21	1317/NQ-HĐQT	31/10/2019	V/v bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty
22	1454/NQ-HĐQT	02/12/2019	V/v sửa chữa chi nhánh Hoàng Mai, chi nhánh Ninh Bình
23	1489/VTVT-HĐQT	09/12/2019	V/v đấu thầu bán than cho các nhà máy xi măng
24	1555/NQ-HĐQT	24/12/2019	V/v công tác tổ chức cán bộ
25	1578/NQ-HĐQT	26/12/2019	V/v cho thuê 03 tàu trọng tải 1.623T khu vực thác phía Nam
26	1617/NQ-HĐQT	31/12/2019	V/v thông qua hợp đồng mua/bán than năm 2020
27	1618/NQ-HĐQT	31/12/2019	V/v một số công tác SXKD của Công ty

*Việc quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn:* Công tác quản lý vốn và tài sản thực hiện theo đúng quy định, quy chế quản lý của VICEM, tuân thủ pháp luật về kế toán, thuế, các quy định hiện hành của Nhà nước và nội bộ Công ty.

Sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển vốn, tình hình tài chính lành mạnh, không để xảy ra nợ xấu, tiết kiệm chi phí ở mức hợp lý.

Dư nợ bình quân của các công ty xi măng cao hơn nhiều so với cam kết hợp đồng năm 2019 (tính đến 31/12/2019 dư nợ bình quân là 500 tỷ đồng) gây ảnh hưởng lớn tới việc cân đối dòng tiền của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty đã chủ đạo tìm giải pháp cân đối dòng tiền, giảm công nợ, cân đối linh hoạt giữa tiền và hàng, tính toán hợp lý để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD.

- Một số chỉ tiêu chứng minh vốn của Công ty được bảo tồn và phát triển:

+ Vốn chủ sở hữu của Công ty (= Vốn đầu tư của CSH + Quỹ ĐTPT) ngày 31/12/2019 là 399,684 tỷ đồng, so với vốn Chủ sở hữu Công ty (= Vốn đầu tư của CSH + Quỹ ĐTPT) ngày 31/12/2018 là 399,684 tỷ đồng. Hệ số bảo toàn vốn của Công ty năm 2019 tạm tính là  $399,684/399,684 = 1$ . Như vậy, trong năm 2019 Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.

+ Tổng giá trị tài sản thời điểm 31/12/2019 là: 1.133 tỷ đồng, so với thời điểm 31/12/2018: 1.436 tỷ đồng (= 0,79).

#### **4. Về công tác tổ chức và cán bộ, tái cơ cấu:**

- Thực hiện bổ nhiệm lại 01 cán bộ diện Tổng công ty quản lý.

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh quy hoạch cán bộ để có định hướng, đào tạo, đào tạo lại, sử dụng hợp lý; rà soát chức năng nhiệm vụ và định biên các đơn vị để điều chỉnh phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ SXKD, ĐTXD.

- Thực hiện Đề án tái cơ cấu VICEM giai đoạn 2019-2025 đã được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 868/QĐ-BXD ngày 22/10/2019. Công ty đang xây dựng đề án tái cơ cấu phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển, chương trình tái cơ cấu VICEM và định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty giai đoạn 2020-2025.

- Năm 2019, Công ty đã thực hiện việc thành lập Ban quản lý tòa nhà Comatce.

#### **III. Những tồn tại**

- Kinh doanh mặt hàng chính của Công ty là than gặp rất nhiều khó khăn như nguồn cung nội địa cho sản xuất xi măng ngày càng khó khăn; Giá than thế giới giảm mạnh dẫn đến các nhà máy ưu tiên sử dụng than nhập khẩu; Dư nợ mua than của các nhà máy luôn ở mức cao.

- Việc bán căn hộ và cho thuê văn phòng tòa nhà Comatce Tower gặp nhiều khó khăn.

- Kinh doanh Đoàn vận tải của Công ty chưa mang lại hiệu quả cao.

#### **IV. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 2019**

1. Hội đồng quản trị Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; thực hiện nghiêm túc, đúng thẩm quyền, phạm vi, trách nhiệm, trung thực; chỉ đạo ban Giám đốc thực hiện kinh

doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Giám đốc điều hành;

2. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa Đảng uỷ - Hội đồng quản trị - Giám đốc và các tổ chức đoàn thể;

3. Các chỉ tiêu về SXKD 2019 được VICEM phê duyệt, được Đại hội đồng cổ đông nghị quyết thông qua cơ bản được thực hiện, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách đối với nhà nước, bảo toàn và phát triển vốn, lợi ích của cổ đông, việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo và ổn định;

**Từ những kết quả đạt được như trên, Hội đồng quản trị đánh giá: “Hoàn thành nhiệm vụ công tác năm 2019”.**

#### **V. Phương hướng nhiệm vụ năm 2020**

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, Hội đồng quản trị công ty tập trung chỉ đạo để phấn đấu đạt được một số mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản năm 2020 như sau:

#### **1. Về công tác sản xuất kinh doanh phấn đấu đạt trong năm 2020:**

- Sản lượng than bán ra: 720.000 tấn
- Tổng doanh thu: 1.888,032 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 16,495 tỷ đồng
- Nộp ngân sách: 13,851 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân người lao động: 14,3 triệu đồng/người/tháng

Xác định trong năm 2020, kinh doanh than vẫn là mặt hàng chủ yếu, cốt lõi. Hội đồng quản trị thống nhất chỉ đạo công ty bám sát tình hình thị trường, tích cực tìm kiếm các nguồn than có giá cả hợp lý, chất lượng phù hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng than cám cho các công ty xi măng thuộc VICEM. Tổ chức chế biến than nhằm mục tiêu giảm lượng hàng tồn kho phù hợp với tình hình SXKD năm 2020 của Công ty; Tiếp tục chỉ đạo, rà soát xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, rà soát, tiết giảm các chi phí để đảm bảo giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả trong SXKD và tăng thị phần cung cấp than;

#### **2. Về công tác đầu tư:**

Dự án ĐTXD Toà nhà Công ty CP Vật tư Vận tải Xi măng: Đã báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đang chờ VICEM báo cáo phê duyệt theo quy định.

#### **3. Lĩnh vực ngành nghề kinh doanh mới:**

- Cung cấp bùn thải, rác thải: Theo định hướng chủ trương VICEM, Công ty sẽ hoàn thiện hồ sơ thủ tục pháp lý, đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh để đủ điều kiện thu gom, vận chuyển rác thải, bùn thải cung cấp cho các công ty xi măng theo kế hoạch đề ra;

- Công tác quản lý vận hành tòa nhà: Ban quản lý tòa nhà Comatce hoàn thành các chứng chỉ vận hành; Kiện toàn công tác tổ chức nhân sự, xây dựng các quy trình quản lý vận hành để tiếp nhận việc quản lý tòa nhà Comatce Tower nhằm tăng nguồn thu, tiết kiệm chi phí mang lại hiệu quả cho Công ty.



#### 4. Về công tác tổ chức và cán bộ

- Kiện toàn tổ chức nhân sự, báo cáo Tổng công ty xem xét thoả thuận bổ nhiệm lại một chức danh cán bộ diện Tổng công ty Xi măng quản lý; kiện toàn lại nhân sự ở một số phòng ban, đơn vị.

- Đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, bố trí, sắp xếp, luân chuyển cán bộ nhằm nâng cao năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Hoàn thiện đề án tái cấu trúc Công ty để trình VICEM xem xét; hoàn thiện việc đổi tên Công ty theo định hướng chiến lược của VICEM.

- Triển khai sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương hệ số phù hợp cho các đơn vị trong Công ty;

#### 5. Một số mặt công tác khác

- Chỉ đạo tổ chức tổng kết công tác 2019, phân tích hoạt động kinh tế, tìm các nguyên nhân thiếu sót, tồn tại và các biện pháp trong quản lý, điều hành nhằm hoàn thiện cơ chế và nâng cao hơn nữa hiệu lực quản lý của Hội đồng quản trị Công ty; sử dụng vốn hợp lý, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

- Chuẩn bị các nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên, báo cáo Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét;

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chương trình hành động phòng, chống tham nhũng theo các quy định của Pháp luật và theo chỉ đạo của Tổng công ty Xi măng Việt Nam;

- Xây dựng chiến lược đào tạo cán bộ, đặc biệt là cán bộ tăng cường cho việc ứng dụng thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0 trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên đây là báo cáo kiểm điểm kết quả công tác 2019 và phương hướng, nhiệm vụ công tác 2020 của Hội đồng quản trị Công ty. Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục bám sát chức năng, quyền hạn, phát huy những kết quả đã đạt được, tập trung sức mạnh trí tuệ và tinh thần đoàn kết để làm tốt hơn nữa công tác quản lý Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua. Xin trân trọng cảm

ơn./.



Lê Xuân Khôi

Số: 01/VTVT-BKS

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO  
CỦA BAN KIỂM SOÁT  
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông**

Căn cứ:

- Chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2019;

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng trong năm 2019 như sau:

## **I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **1. Các công tác đã thực hiện năm 2019:**

- Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ với đầy đủ các thành viên tham gia để phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát, tổng kết công tác kỳ trước và triển khai công việc kỳ tiếp theo.

- Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tham gia ý kiến, đưa ra những kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2019, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2019.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đối với HĐQT và Ban Giám đốc.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem

xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; phối hợp với phòng kế toán tài chính xem xét các ý kiến của kiểm toán Nhà nước. Giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán Nhà nước và Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Tham gia cùng bộ phận pháp chế xây dựng, sửa đổi Điều lệ và một số Quy chế, quy định của Công ty. Phối hợp với bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện một số cuộc kiểm soát cụ thể để đưa ra ý kiến góp ý cho các đơn vị trong quá trình thực hiện.

- Năm 2019, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ, bất thường của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban của Công ty.
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ tài liệu các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty.
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm.

Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, ban kiểm soát cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động. Thành viên Ban kiểm soát còn tham gia các lớp học bổ sung kiến thức, khóa đào tạo chuyên đề về quản lý tài chính, thuế nhằm đảm bảo cập nhật kịp thời chế độ chính sách, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện từ HĐQT, Ban Giám đốc và các đơn vị phòng ban chức năng, để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHCĐ giao. Trong năm 2019 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

## **2. Kế hoạch định hướng năm 2020**

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và của Công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát).
- Ban kiểm soát sẽ phối hợp tốt hơn nữa với Bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chuyên sâu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

## II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các vấn đề cần xử lý nhanh, Hội đồng quản trị cũng đã thông qua theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và của Công ty. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với các quy định hiện hành và đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp cùng với Ban điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019. Tuy nhiên trong năm 2019 giá than thế giới giảm mạnh, các Công ty Xi măng tăng cường mua than nhập khẩu dẫn đến không thực hiện mua than theo đúng sản lượng đã cam kết. Việc giảm sản lượng mua bán than đã có các tác động ảnh hưởng mạnh đến hoạt động SXKD của Công ty. Bên cạnh đó thị trường bất động sản trong năm 2019 vẫn tiếp tục trầm lắng, Hội đồng quản trị đã có nhiều giải pháp đề chỉ đạo Ban điều hành thực hiện việc bán căn hộ chung cư, cho thuê văn phòng tại dự án tòa nhà Comatce Tower, số căn hộ bán trong năm 2019 đã tăng hơn so với 2018 nhưng cũng chưa đạt kế hoạch đề ra. Từ những khó khăn trên nên trong năm 2019 các chỉ tiêu Doanh thu, lợi nhuận... của Công ty đều chưa hoàn thành so với kế hoạch ĐHCĐ giao.

- HĐQT thực hiện các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được cũng còn một số công việc tiên độ triển khai và kết quả đạt được chưa như kỳ vọng:

- Trong năm 2019 chỉ đạo của HĐQT đôi khi còn chậm do các thủ tục hành chính và công việc của các thành viên HĐQT là kiêm nhiệm, nên cũng có ảnh hưởng đến điều hành của Ban giám đốc Công ty.
- Do hiện nay Vicem đang hoàn thiện các Quy chế mẫu, nên HĐQT chưa ban hành được một số quy chế quan trọng cần phải sửa đổi phù hợp với Điều lệ mới như: Quy chế Tài chính, quy chế mua sắm...

## III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2019, Ban giám đốc đã quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty bám sát các nội dung của nghị quyết ĐHCĐ và HĐQT. Ban giám đốc đã hoạt động một cách chủ động, trách nhiệm cao bằng việc thực hiện các giải pháp về tổ chức nhân sự, tài chính kế toán, cơ chế kinh doanh, quảng cáo khuyến mại... trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2019 có nhiều khó khăn đối với Công ty: với kinh doanh than, giá than thế giới giảm mạnh, các Công ty Xi măng tăng cường mua than nhập khẩu dẫn đến không thực hiện mua than

theo đúng sản lượng đã cam kết (sản lượng năm 2019 chỉ đạt 50%-56% so với hợp đồng ký kết). Dư nợ của các công ty xi măng vẫn ở mức cao, chi phí tài chính rất lớn. Thị trường bất động sản tăng trưởng thấp, tiến độ bán căn hộ của Công ty vẫn chậm so với dự kiến. Mặc dù Giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nỗ lực thay đổi công tác giao nhận, tổ chức tăng cường kiểm soát hao hụt, đưa chất lượng hàng hóa lên hàng đầu, chủ động chế biến than để đảm bảo tính chủ động nguồn phục vụ cho các nhà máy xi măng trước sự biến động liên tục của thị trường, giảm chi phí xuống mức hợp lý.... Sản lượng than bán ra trong năm 2019 giảm mạnh, chỉ đạt 59% kế hoạch và chỉ bằng 62% so với năm 2018 dẫn đến các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và mức chi trả cổ tức cho cổ đông, chưa đạt kế hoạch đề ra.

- *Về công tác tài chính kế toán:* Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với các khoản nợ, Ban điều hành đã chỉ đạo tìm các biện pháp thu hồi công nợ, tuy nhiên dư nợ phải thu của các công ty xi măng vẫn vượt so với cam kết nên chi phí tài chính trong năm vẫn ở mức cao. Đối với các khoản nợ phải trả, Công ty chủ yếu thanh toán các khoản nợ đến hạn để giảm chi phí tài chính cho Công ty. Bên cạnh đó, mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, ngân hàng được tăng cường đảm bảo nguồn vốn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh

- *Về công tác đầu tư kinh doanh bất động sản:* Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tích cực trong công tác truyền thông và đa dạng các chính sách chiết khấu, khuyến mại, cải tạo bổ sung thêm các tiện ích cho tòa nhà... để đẩy nhanh việc bán hàng và cho thuê văn phòng. Trong năm 2019, số căn hộ bán được đã tăng hơn so với 2018 song mới chỉ đạt 40% so với kế hoạch, do thị trường kinh doanh bất động sản tăng trưởng thấp, thương hiệu của Công ty chưa đủ mạnh, và các căn hộ của tòa nhà Comatce Tower với diện tích lớn cũng là một khó khăn trong tình hình tiêu thụ căn hộ hiện nay.

- *Về công tác tổ chức nhân sự:* Ban điều hành đã chỉ đạo tiến hành rà soát, sắp xếp, định biên lao động, tuyển dụng và bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ thực tế của các phòng ban, đơn vị tại Công ty. Đồng thời Công ty cũng điều chỉnh, sửa đổi chức năng nhiệm vụ của một số Phòng, Ban, đơn vị để đảm bảo hoạt động có hiệu quả hơn.

- *Về công tác khác:*

+ Kinh doanh đoàn vận tải của Công ty đã đạt hiệu quả nhất định: Đảm bảo cho Công ty chủ động trong việc bố trí phương tiện trên các tuyến vận chuyển ngắn, có giá cước thấp, các đơn vị vận tải bên ngoài không tham gia; đoàn vận tải đã tích cực khai thác thêm nguồn hàng bên ngoài khi nguồn hàng của Công ty sụt giảm. Công ty đang đàm phán để đưa 03 đoàn phương tiện đóng mới vào phía nam để khai thác để đạt hiệu quả cho thuê cao hơn so với tự khai thác phía Bắc.

+ Công ty đang triển khai đề án đưa rác thải/bùn ứng dụng thay thế tiết kiệm nguyên nhiên liệu đốt cho các lò xi măng thuộc VICEM và đây là ngành nghề kinh doanh mới của Công ty năm 2020.

+ Công ty đang xây dựng đề án tái cấu trúc: đánh giá, sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức đảm bảo tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng chỉ đạo của Tổng công ty Xi măng Việt nam.

Trong năm 2019, còn có một số công tác Ban điều hành chưa thực hiện tốt:

- Ban điều hành đã triển khai nhiều biện pháp nhằm bán căn hộ và cho thuê văn phòng tại dự án tòa nhà COMATCE Tower nhưng tiến độ bán căn hộ còn chậm.
- Công tác thu hồi công nợ chưa đạt được kết quả như kỳ vọng.
- Công tác đánh giá thị trường kinh doanh than chưa thật tốt dẫn đến dự trữ hàng tồn kho ở thời điểm cuối năm còn cao trong khi sản lượng tiêu thụ giảm mạnh và dòng tiền của Công ty đang gặp khó khăn.

#### IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

##### 1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Các Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Các Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2019, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

##### 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu trong năm 2019 theo BCTC như sau:

Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH/KH 2019	TH2019 /TH2018
1. Tổng doanh thu	Tỷ đ	3.476.369	3.826.810	2.175.599	57%	63%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	53.950	59.183	16.364	28%	32%
3. Nộp ngân sách	Tỷ đ	85.707	29.266	21.149	72%	25%
4. Cổ tức (dự kiến)	%	15%	10%	3%	30%	20%

- Căn cứ vào bảng tổng hợp nêu trên: Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019. Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều đạt thấp so với kế hoạch đề ra và giảm mạnh so với năm 2018.

##### 3. Tình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019.

###### 3.1. Các chỉ tiêu phân tích tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
<b>1. Cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,74%	24,6%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,25%	75,4%
<b>2. Cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	69,28%	63,4%

- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	30,72%	36,6%
<b>3. Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,78	0,72
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,22	1,28
<b>4. Tỷ suất sinh lời</b>			
- Lợi nhuận ST/Doanh thu thuần	%	0,97	0,6
- Lợi nhuận ST/Vốn chủ sở hữu	%	7,24	3,02

Đánh giá chung: cơ cấu vốn, nguồn vốn của Công ty có biến động nhẹ so với năm 2018. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản tăng nhẹ so với năm 2018 cơ bản là do hàng hóa là thành phẩm bất động sản tiêu thụ trong năm làm giảm tồn kho trong khi tài sản dài hạn trong năm không biến động nhiều. Tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn giảm; Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh trong năm 2019 được đảm bảo an toàn. Xét về chỉ tiêu tỷ suất sinh lời tính trên doanh thu và vốn chủ sở hữu năm 2019 đều giảm so với năm 2018. Nguyên nhân dẫn đến doanh thu và lợi nhuận giảm là do sản lượng than tiêu thụ trong năm 2019 giảm mạnh, chỉ đạt 59% so với kế hoạch và đạt 62% so với cùng kỳ năm 2018; chi phí tài chính trong năm ở mức cao, chi phí lãi vay năm 2019 là 50,7 tỷ so với năm 2018 là 51,8 tỷ trong khi doanh thu năm 2019 chỉ bằng 63% so với 2018, mặc dù trong năm Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm chi phí ở mức hợp lý, tăng cường kiểm soát hao hụt từ đó chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều giảm đáng kể.

### **3.2. Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019.**

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn là 1,28 lần, tỷ lệ này cho thấy Công ty đang đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.
- Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 1,73 lần, giảm so với đầu năm và <3. Tỷ lệ này là phù hợp với mô hình hoạt động và quy định của Công ty.
- Phải thu của khách hàng tại ngày 31/12/2019 là 403,8 tỷ đồng, bằng 18,6% doanh thu 2019 của Công ty. Tỷ lệ khoản phải thu khách hàng của Công ty là tương đối cao, cho thấy Công ty đang bị chiếm dụng vốn bởi khách hàng.
- Hàng tồn kho tại ngày 31/12/2019 là 371,9 tỷ đồng, so với đầu năm là 413,9 tỷ đồng. Hàng tồn kho giảm chủ yếu do giảm từ thành phẩm bất động sản hình thành từ các căn hộ tòa nhà Comatce Tower bán được trong năm 2019, trong khi giá trị mặt hàng than cám tồn kho tương đương so với đầu năm.
- Số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2019 là 603,5 tỷ đồng, so với đầu năm là 787,12 tỷ đồng. Vay ngắn hạn có xu hướng giảm do tình hình tiêu thụ than giảm nên chi phí vốn giảm, trong khi dòng tiền tăng từ bán căn hộ tòa nhà Comatce Tower. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang bị khách hàng chiếm dụng vốn nhiều dẫn đến dư nợ vay ngắn hạn còn khá cao.
- Số dư vay và nợ dài hạn tại ngày 31/12/2019 là 0,57 tỷ đồng so với đầu năm là 1,09 tỷ đồng, đây là khoản vay tài trợ cho tài sản cố định thuê tài chính của Công ty.

## **V. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2019**

**1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 và trả cổ tức cho Cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.**

Công ty đã thực hiện trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với tỉ lệ 15%.

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

**2. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.**

Công ty đã lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

**3. Trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019.**

Công ty đã thực hiện trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.

**4. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:** Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, mức chi trả cổ tức năm 2019 đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.

## **VI. KIẾN NGHỊ**

1. Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Công ty có giải pháp triển khai nhanh việc bán các căn hộ thuộc tòa nhà Comatce Tower nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản, tạo dòng tiền cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Hoàn thiện ban hành các Quy chế quan trọng cần phải sửa đổi phù hợp với Điều lệ mới như: Quy chế Tài chính, quy chế mua sắm...tạo hành lang pháp lý để Công ty thực hiện đúng quy định của Pháp luật và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Đề nghị Giám đốc Công ty cần tăng cường hơn nữa công tác bán hàng, quản trị hàng tồn kho và tích cực thu hồi, kiểm soát công nợ để giảm vốn bị chiếm dụng, tăng vòng quay vốn lưu động, để giảm thiểu chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

4. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh góp phần tăng năng suất lao động, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## **VII. TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2019 theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty và ĐHCĐ đã giao.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình thực hiện và kết quả kiểm soát trong năm 2019.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY**  
**Trưởng Ban**



**Nguyễn Thị Thu Hà**



Số: 263 /VTVT-KTKH

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 tháng 2020

**BÁO CÁO TỔNG KẾT SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019;  
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2020**

Phần thứ nhất

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

**I. Đánh giá chung tình hình năm 2019:**

**1. Những thuận lợi:**

- Năm 2019, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng và chậm lại vào Quý 4/2019, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011.

- Thị trường tiền tệ, ngoại hối ổn định, thanh khoản tốt, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay cơ bản ổn định.

**2. Những khó khăn:**

\* *Đối với ngành xi măng:* năm 2019 gặp phải rất nhiều khó khăn, thách thức do nguyên liệu đầu vào sản xuất tăng (điện tăng 8,36% từ tháng 3/2019, than tăng 3,5% từ đầu năm); Nhu cầu xi măng trong nước giảm, trong khi nguồn cung tăng cao (cung vượt cầu trên 30%) càng gây áp lực cho thị trường trong nước.

\* *Đối với thị trường:*

- Thị trường than thế giới:

Giá tham chiếu than cho khu vực châu Á đối với dòng than nhiệt trị 6.000 kcal/kg giảm sâu so với năm trước nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và diễn biến chính trị phức tạp của các quốc gia nguồn cung năng lượng.

- Thị trường than nội địa:

+ Trong năm 2019 việc khai thác than nội địa diễn biến khó khăn, than hiện nay đã khai thác tại độ sâu tương đối lớn;

+ Tồn kho than của TKV và các nhà máy nhiệt điện đang ở mức thấp. Sản lượng than nhập cả nước xấp xỉ 40 triệu tấn trong năm 2019, cao nhất trong vòng 7 năm qua. Xu hướng giảm giá của than thế giới có các tác động lớn ảnh hưởng đến khai thác và sản xuất than trong nước.

\* *Khó khăn trong kinh doanh than:*

- Việc TKV chuyển cảng rót hàng dẫn đến các phương tiện chờ đợi rót hàng tại các cảng từ 5-7 ngày kéo theo các chi phí tăng lên; tiến độ rót hàng phụ thuộc theo con nước của tháng.

- Năm 2019 TKV điều chỉnh giá bán than trong nước ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty, cụ thể TKV đã 2 lần điều chỉnh giá bán than nội địa:

+ Ngày 29/3/2019: quyết định số 509/QĐ-TKV tăng giá bán than (các chủng loại than từ 4b.1 đến cám 6 đã tăng từ 3,21%- 4,25% tương ứng với mức tăng từ 59.000 đ/tấn- 70.000 đ/tấn) làm ảnh hưởng đến giá thành đầu vào than chế biến của Vicem Comatce.

+ Ngày 5/6/2019: quyết định số 998/QĐ-TKV giảm giá bán than (than cám 4b.1 giảm 80.000 đ/tấn; 4a.1 giảm 50.000 đ/tấn, 3c.1 giảm 100.000 đ/tấn) tương ứng với mức giảm từ 2,3%-4,3%; tác động làm giảm giá trị hàng tồn kho, giảm doanh thu tương ứng.

- Công nợ tại các Công ty xi măng vẫn tiếp tục duy trì cao hơn so với cam kết HĐ (dư nợ bình quân trong năm 2019 515 tỷ đồng/cam kết 360 tỷ đồng) gây khó khăn cho Vicem Comatce trong việc cân đối vốn cho hoạt động kinh doanh. Trong khi mua than TKV, Vicem Comatce phải thực hiện bằng bảo lãnh thanh toán; nợ 7 ngày, dư nợ tối đa 50 tỷ. Tổng tiền bán hàng bình quân tháng của Vicem Comatce là 212 tỷ đồng, trong khi tổng dư nợ bình quân tháng của các nhà máy với Vicem Comatce là 515 tỷ đồng, cao gấp 2,4 lần. Đây là nguyên nhân làm tăng chi phí lãi vay; gây khó khăn cho việc cân đối vốn, T9/2019 Công ty đã phải lùi thời gian trả cổ tức do không thu xếp được tiền.

\* *Khó khăn trong Kinh doanh Bất động sản:*

- Số lượng các dự án chung cư cùng khu vực đồng loạt ra hàng rất nhiều, phân khúc căn hộ đa dạng, lượng cung nhiều hơn cầu nên việc cạnh tranh gặp nhiều khó khăn.

- Diện tích và giá trị các căn hộ còn lại lớn (144 m<sup>2</sup>), khó tiêu thụ so với phân khúc của thị trường là các căn hộ dưới 100m<sup>2</sup>, thiết kế hiện đại, nhiều tiện ích và không gian tốt.

- Từ tháng 4/2019 đến 31/12/2019, Công ty dừng cho thuê văn phòng để báo cáo VICEM.

## II. Kết quả SXKD năm 2019:

Các chỉ tiêu	Đvt	KH SXKD 2019	TH 2019	TH/KH năm	TH 2018	% so với cùng kỳ 2018
<b>KẾT QUẢ SXKD</b>						
<b>1. Kinh doanh than</b>						
Mua vào	Tấn	1.600.000	874.529	55%	1.406.198	62%
Bán ra	Tấn	1.500.000	882.101	59%	1.421.720	62%
<b>2. KD BĐS</b>						
Bán căn hộ	Căn	35	14	40%	3	467%
Cho thuê văn phòng	m <sup>2</sup>	4.066	1.948	48%	4.466	44%
<b>3. KD ĐVT</b>						
Sản lượng VT	Tấn	71.600	111.320	155%	75.608	147%
<b>HIỆU QUẢ SXKD</b>						
1. Tổng doanh thu	Tr.đ	3.826.810	2.175.599	57%	3.476.369	63%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	59.183	16.394	28%	53.949	30%
3. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	47.346	12.914	27%	33.475	39%
4. Nộp ngân sách	Tr.đ	29.266	21.149	72%	85.707	25%
5. EBITDA	Tr.đ	118.607	78.402	66%	113.990	69%
6. R.O.E (LN/VCSH)	%	11,85%	3,23%	27%	8,5%	38%
7. ROA (LN/TTS)	%		1,005%		2,16%	46%
8. R.O.S (LN/DT)	%		0,59%		0,96%	61%
9. Tỷ lệ chi trả cổ tức	%		3%		15%	20%

## 1. Kinh doanh Than:

Trước thực trạng diễn biến diễn biến thiếu nguồn than năm 2018 đặc biệt trong Quý 4/2018:

- Giá than thế giới năm 2018 tăng cao so với giá than nội địa cùng chủng loại, chênh lệch từ 200.000-400.000 đ/tấn, thời điểm giá FOB cao nhất tháng 7/2018 đạt 119 usd/tấn đối với dòng than nhiệt 6.000 kcal/kg.

- Các nhà máy chuyển đổi sử dụng than cám từ 3c.1 sang 4a.1 làm cho nhu cầu than 4a.1 tăng đột biến từ 163.000 tấn/năm lên 1.473.000 tấn/năm.

- TKV theo chỉ đạo của thủ tướng chính phủ phải đảm bảo không để thiếu than cho nhiệt điện, do đó TKV ưu tiên tuyệt đối cho sản xuất nhiệt điện, không ưu tiên lĩnh vực khác.

=> Do đó, tồn kho than tại 2 bãi của Công ty xuống mức thấp nhất tháng 9/2018 (tổng tồn kho tất cả các bãi là 40.097,37 tấn) không đủ đảm bảo mức bình quân tiêu thụ tháng (năm 2018 mức bình quân tiêu thụ 118.476 tấn/tháng).

- Một số nhà máy có thời điểm tồn kho xuống thấp chỉ đủ sử dụng trong 2-3 ngày.

Trước tình hình đó, Ngày 15/5/2018 VICEM có văn bản chỉ đạo tại số 894/VICEM-KHCL đề nghị Công ty triển khai các giải pháp để đảm bảo đủ nguồn than cung cấp cho các nhà máy, không để dừng lò do thiếu than, Công ty đã mở 3 L/C nhập khẩu nhưng đều không thực hiện được do thiếu nguồn cung, đến T2/2019 Công ty mua than nhập khẩu (Nga và Úc) để phục vụ chế biến than 4a.1 cấp cho các Công ty SXXM.

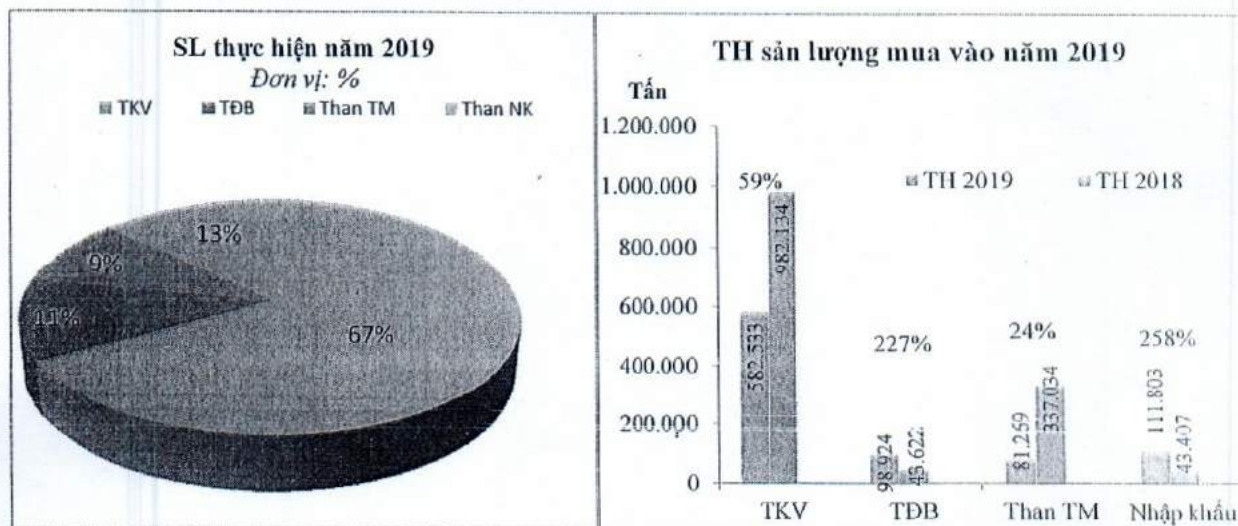
### 1.1. Mua vào:

#### \* Thực trạng nguồn cung 2019:

- Năm 2019, TKV ký kết hợp đồng với Công ty là 1.100.000 tấn than (trong đó 3c.1 là 400.000 tấn; 4a.1 là 400.000 tấn; 5a.3 là 150.000 tấn; 5b.1 là 150.000 tấn) không đủ loại than theo 4a.1 theo đăng ký nhu cầu của các nhà máy (than cám 4a.1 TKV cung cấp 400.000 tấn, xác báo các nhà máy 1.420.000 tấn). Do đó để bổ sung lượng thiếu hụt này Vicem Comatce đã cân đối bổ sung nguồn từ các đơn vị Kinh tế Quốc phòng, mua than nhập khẩu phục vụ chế biến than cám 4a.1 để bổ sung lượng thiếu hụt.

- Từ giữa năm 2019, TKV chỉ tập trung than cho nhiệt điện không ưu tiên các hộ tiêu thụ khác.

#### \* Kết quả trong điều hành mua than:



Tổng khối lượng mua vào năm 2019 đạt 874.529 tấn/ KH SXKD 1.600.000 tấn, đạt 54% so với KH năm; bằng 61% năm 2018, chiếm 63% sản lượng TKV bán cho hộ xi măng trong cả nước (1.400.000 tấn), Vicem Comatce đảm bảo duy trì là đối tác chiến lược với TKV để đảm bảo nguồn cung cho SXXM.

- Vicem Comatce đã thường xuyên bám sát tiến độ rót hàng, đảm bảo lấy tối đa sản lượng TKV có thể cung cấp để xuất bán thẳng và phục vụ công tác chế biến đáp ứng đủ yêu cầu của các nhà máy.

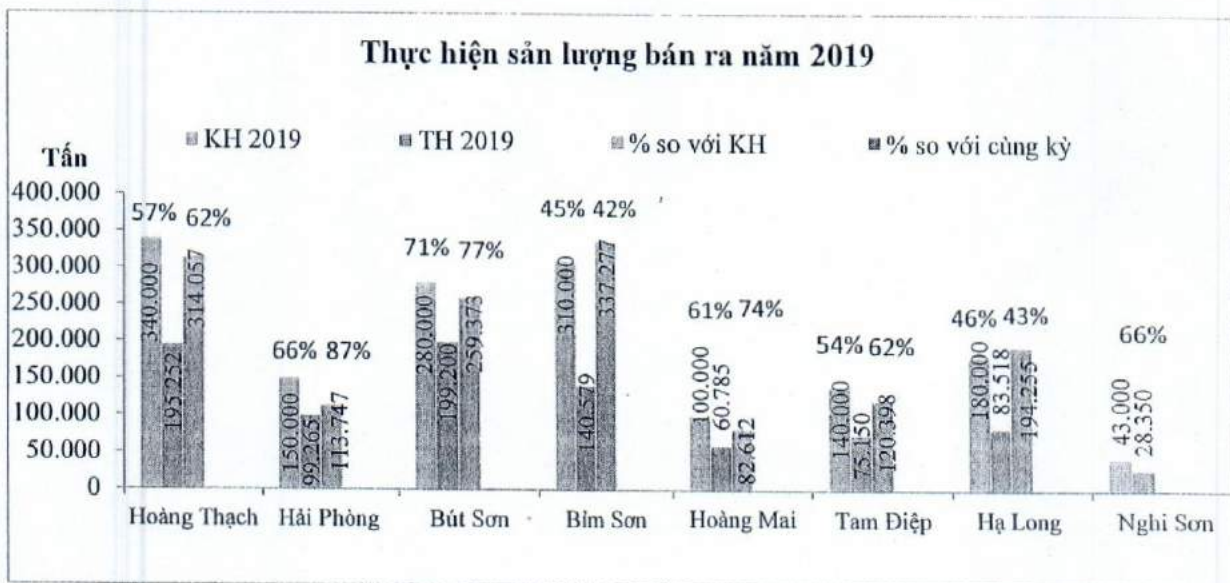
- Nỗ lực làm việc với các nhà cung cấp than trong và ngoài nước, tìm kiếm khai thác thêm các nguồn than phục vụ chế biến than phù hợp với công nghệ chạy lò của nhà máy xi măng.

- Đàm phán với khách hàng để có được các chính sách hỗ trợ mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Cân đối nguồn tiền trả cho các nhà cung cấp đảm bảo tiến độ rót hàng, tiết kiệm chi phí tài chính, tránh bị phát sinh sử dụng bảo lãnh thanh toán.

## 1.2. Bán ra:

Kết quả kinh doanh than năm 2019:



Từ cuối năm 2018, do nguồn than thiếu hụt các Công ty SXXM trong VICEM đã đăng ký nhu cầu than 2019 với Công ty là 1.637.980 tấn, trên cơ sở này Công ty đã triển khai mua 02 tàu than Nhập khẩu trong tháng 2/2019 đồng thời tìm mọi giải pháp để đáp ứng đủ lượng than 3c.1 và 5a.3 phục vụ chế biến chủ động tạo nguồn. Tuy nhiên, do diễn biến giá than thế giới đột ngột giảm sâu nhất trong vòng 4 năm gần đây khiến các Công ty SXXM ký hợp đồng mua bán than năm 2019 là 1.360.000 tấn (giảm 277.980 tấn so với đăng ký, bình quân 113.000 tấn) đồng thời không tuân thủ việc thực hiện hợp đồng mua bán than với Công ty (bình quân tiêu thụ chỉ đạt 73.425 tấn/tháng đặc biệt trong Quý 4/2019 bình quân tiêu thụ chỉ đạt 48.458 tấn/tháng) dẫn đến kết thúc năm 2019 lượng than tồn kho tại các bãi của Công ty tính đến 31/12/2019 còn tồn là 106.323 tấn (trong đó than NK 54.404 tấn, than Nội địa 51.918 tấn).

Sản lượng than thực hiện các Công ty sản xuất xi măng mua qua Vicem Comatce đạt 882.101 tấn/KH 1.500.000 tấn, đạt 59% so với kế hoạch năm 2019, đạt 65% tổng sản lượng theo hợp đồng đã ký kết năm 2019 của các nhà máy (1.420.000 tấn bao gồm cả Công ty xi măng Nghi Sơn) và đạt 62% so với thực hiện năm 2018. Nguyên nhân chính do:

+ Giá than nhập khẩu giảm mạnh, để đảm bảo hiệu quả chung các Công ty SXXM không thực hiện mua than theo đúng sản lượng đã ký với Vicem Comatce, giao động khoảng từ 51%-75%: XM Bỉm Sơn (sản lượng năm 2019 đạt 56% so với hợp đồng ký kết), Tam Điệp (sản lượng năm 2019 đạt 54% so với hợp đồng ký kết), Hoàng Mai (đạt 50% so với hợp đồng ký kết);

Riêng XM Hạ Long sản lượng năm 2019 đạt 52% so với hợp đồng ký kết (từ tháng 1-9/2019 Vicem Hạ Long không đảm bảo sản lượng mua than với Công ty theo hợp đồng do tăng mua nguồn ngoài; từ tháng 10-12/2019 Công ty chủ động giãn tiến độ cấp với Vicem Hạ Long do công nợ duy trì mức cao, không thanh toán công nợ theo cam kết...).

- Việc giảm sản lượng mua bán than đã có các tác động ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Vicem Comatce về doanh thu, lợi nhuận, cân đối nguồn than và nguồn vốn, ảnh hưởng đến hợp đồng chiến lược với TKV (sẽ khó khăn trong việc đảm bảo sản lượng than ổn định cho SXXM khi thị trường than thế giới biến động)...

## **2. Kinh doanh Bất động sản:**

### **2.1. Kinh doanh bán căn hộ:**

Thực hiện năm 2019 bán được 14 căn hộ/kế hoạch 35 căn hộ, đạt 40% so với kế hoạch, tăng 11 căn so với năm 2018. Doanh thu bán căn hộ năm 2019 là 61,657 tỷ đồng, đạt 41,4% so với kế hoạch.

Đến thời điểm báo cáo tổng số căn hộ đã bán lũy kế là 69 căn/100 căn. Tính đến nay đã được Sở TNMT cấp 44 sổ hồng.

#### **\* Giải pháp đã triển khai năm 2019:**

Vicem Comatce đã và đang nỗ lực triển khai các nội dung nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút khách hàng, cụ thể:

- Tăng cường công tác quảng cáo, truyền thông dự án trên VOV, báo điện tử... nhằm giới thiệu các điểm ưu việt của dự án;

- Đa dạng hóa chính sách chiết khấu (miễn chi phí quản lý 02 năm cho khách hàng mới mua căn hộ, sử dụng vĩnh viễn chỗ đỗ xe, chiết khấu thanh toán, hỗ trợ lãi vay...);

- Tăng thêm tiện ích (trang bị điều hòa sảnh chờ, bổ sung bàn ghế tiếp khách, làm sân chơi, chòi nghỉ, vườn hoa cho cư dân, trang trí cây xanh), sửa chữa mặt sân;

- Sàn Maxland đã đầu tư đầy đủ nội thất một căn hộ mẫu của dự án với phong cách hiện đại để thu hút khách đến thăm quan và lựa chọn.

### **2.2. Kinh doanh cho thuê sàn văn phòng, thương mại, dịch vụ khác:**

Thực hiện năm 2019 cho thuê tăng thêm 1.948 m<sup>2</sup>/kế hoạch 4.066,07 m<sup>2</sup>, hết năm 2019 cho thuê lũy kế được 6.413 m<sup>2</sup>/9.362 m<sup>2</sup>, lấp đầy 68,5% tổng diện tích cho thuê. Doanh thu cho thuê là 18,525 tỷ đồng, đạt 92,13% so với kế hoạch.

**2.3. Các khoản thu khác** (dịch vụ quản lý vận hành, phí trông giữ xe, phí dịch vụ ngoài giờ, thuê vị trí quảng cáo): Thực hiện năm 2019 là 5,53 tỷ đồng, đạt 118,67% so với kế hoạch, Công ty đã khai thác thêm được các tiện ích của tòa nhà.

### **3. Kinh doanh của Đoàn vận tải:**

- Kinh doanh Đoàn Vận tải năm 2019 sản lượng đạt 256.872 tấn (88% kế hoạch và 90% so với cùng kỳ). Lợi nhuận kinh doanh cả năm 2019 đạt 613,820 triệu đồng. Hoạt động vận tải của Đoàn Vận tải cũng chịu ảnh hưởng của diễn biến chung trong SXKD của Công ty về sản lượng mua – bán tại đầu nguồn và đối với các Công ty SXXM.

*\* Những kết quả đạt được:*

- Đảm bảo cho Công ty chủ động trong việc bố trí phương tiện trên các tuyến vận chuyển ngắn, có giá cước thấp.

- Do nguồn hàng của Công ty sụt giảm, ĐVT đã tích cực khai thác thêm nguồn hàng bên ngoài. Khối lượng vận chuyển thuê ngoài năm 2019 đạt 84.819 tấn/KH 71.600 tấn.

- Tăng cường vận động thuyền viên nâng cao ý thức, tự bảo quản bảo dưỡng tàu để tiết giảm chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên.

- Vicem Comatce đàm phán để đưa 03 đoàn phương tiện đóng mới vào phía Nam để khai thác. Lý do: Thiết kế phù hợp với địa bàn hoạt động phía Nam, hiệu quả cho thuê cao hơn so với tự khai thác phía Bắc.

### **4. Công tác tài chính, quản lý:**

*\* Các yếu tố chính ảnh hưởng đến hiệu quả HĐSXKD năm 2019:*

- Doanh thu thực hiện năm 2019 đạt 2.175 tỷ đồng/KH 3.826 tỷ đồng đạt 57% (trong đó doanh thu than đạt 2.078 tỷ đồng/KH 3.649 tỷ đồng) và giảm 38% so với năm 2018.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 16,394 tỷ đồng/ kế hoạch giao 59,183 tỷ đồng, đạt 27,7%. Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH đạt 27,3% so với kế hoạch giao, nguyên nhân chủ yếu do:

+ Sản lượng tiêu thụ thấp: Giá than nhập khẩu chênh lệch thấp hơn so với giá than nội địa cùng chủng loại, do vậy các công ty SXXM trong VICEM không thực hiện mua than theo đúng sản lượng đã ký trong hợp đồng với Công ty, sản lượng giảm chủ yếu XM Bim Sơn, XM Bút Sơn, XM Hạ Long.

+ Chi phí tài chính tăng cao (thực hiện 50,697 tỷ đồng/35,7 tỷ đồng kế hoạch) do các nhà máy không nhập hàng theo cam kết dẫn đến lượng hàng tồn kho cao, tăng chi phí lưu kho (chi phí lãi vay), các công ty xi măng không thanh toán công nợ theo cam kết hợp đồng, dư nợ bình quân năm 2019 là 515 tỷ đồng/372 tỷ đồng.

### **5. Các giải pháp quản lý điều hành:**

Năm 2019, trước các diễn biến của thị trường và thực trạng tiếp nhận hàng của các Công ty SXXM trong VICEM, Công ty đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp như :

- Tăng cường điều tiết lấy than tại cảng lẻ, chú trọng công tác chế biến than làm tăng sản lượng cấp cũng như tăng hiệu quả từ kinh doanh than.

- Tìm kiếm các nguồn than phù hợp để chế biến than cám 4a.1 đảm bảo chất lượng bán cho các công ty SXXM.

- Quản lý tiết kiệm hao hụt tốt do tổ chức công tác giao nhận có hiệu quả. Chi phí hao hụt các tuyến hầu hết thấp hơn định mức cho phép (tỷ lệ hao hụt đạt mức 0,2%/tỷ lệ cho phép 0,3%).

- Vicem Comatce đã thực hiện tiết kiệm tối đa các khoản chi phí quản lý như chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách, các khoản chi phí quản lý khác.

#### **6. Công tác đầu tư xây dựng:**

- Trong Quý 4, Công ty đã trình VICEM xin thỏa thuận phê duyệt quyết toán dự án với giá trị 660,430 tỷ đồng/Tổng mức đầu tư phê duyệt 804 tỷ đồng tiết kiệm được hơn 144 tỷ đồng.

- Giá trị thanh toán cho cả năm 2019 là: 73,839 tỷ đồng/Kế hoạch 83,149 tỷ đồng, đã tiết giảm được giá trị quyết toán các gói thầu.

#### **7. Công tác mở rộng thị trường:**

\* Đối với công tác triển khai đề án đưa rác thải/bùn ứng dụng thay thế tiết kiệm nguyên nhiên liệu đốt cho các lò xi măng thuộc VICEM, Vicem Comatce đã có các báo cáo VICEM thường xuyên và đảm bảo về tiến độ nghiên cứu đề án của VICEM:

- Hình thành sơ đồ quy hoạch nguồn rác thải bùn thải, mô hình logistic và phương thức vận chuyển đến các nhà máy trong đề án.

- Đã làm việc với các sở ban ngành liên quan để triển khai theo từng giai đoạn của đề án, lấy mẫu, thử mẫu và có kết quả sơ bộ mẫu.

- Thâm nhập và nghiên cứu thị trường nguồn cung, trình tự thủ tục pháp lý để phục vụ đề án.

- Phối hợp với Công ty tư vấn đầu tư phát triển Xi măng (CCID) để hoàn thiện các nội dung trong đề án tổng thể xử lý chất thải trong sản xuất xi măng.

\* Đối với xử nhiệt điện, xử lò cao, thạch cao: Vicem Comatce vẫn tiếp tục nghiên cứu các phương án trình VICEM.

#### **8. Công tác kế hoạch tiền lương:**

Tổng số lao động trong Công ty năm 2019 đã giảm nhiều so với kế hoạch năm 2019 do người lao động nghỉ hưu và xin chấm dứt hợp đồng lao động.

- Số lao động bình quân trong năm 2019: 210 người, trong đó:

+ Người quản lý: 04 người;

+ Người lao động: 206 người;

- Công ty thực hiện tuyển mới được 14 lao động, Số lao động giảm là 36 người chiếm 16% tổng số lao động, (trong đó nghỉ hưu là 8 người; nghỉ chấm dứt hợp đồng lao động là 17 người; thuyên viên chấm dứt lao động 11 người).

- Mức tiền lương bình quân thực hiện là: 13 tr.đồng/ng/tháng giảm so với kế hoạch năm 2019 (14 triệu đồng/người/tháng) là 7%.

#### **9. Công tác kế hoạch chiến lược, pháp chế và tái cơ cấu cổ phần hóa:**

##### **9.1. Công tác kế hoạch chiến lược và tái cơ cấu cổ phần hóa:**

Căn cứ định hướng chỉ đạo của Tổng công ty Xi măng Việt Nam và các chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng quản trị Công ty về việc rà soát sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

Công ty đã ban hành Quyết định số 1469/QĐ-VTVT ngày 03/12/2019 về việc thành lập Ban xây dựng đề án tái cơ cấu Công ty, triển khai lập “Đề án tái cơ cấu tổ chức Công ty phục vụ chiến lược sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020-2025”, dự kiến hoàn thiện đề án và trình Tổng công ty trong Quý II-2020.

## **9.2. Công tác pháp chế doanh nghiệp thực hiện:**

+ Công ty đã ban hành mới và sửa đổi 04 văn bản thuộc quy chế, quy định; hệ thống ISO ban hành 09 quy trình mới và 10 quy trình viết lại, dự kiến trong tháng 12/2019 Công ty sẽ ban hành (sửa đổi) 02 quy chế gồm Quy chế Tài chính và Quy chế mua sắm hàng hóa và dịch vụ.

+ Đã thực hiện 04 cuộc kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các đơn vị trực thuộc.

+ Đã tiến hành kiểm tra định kỳ năm 2019 về việc thực hiện các nội quy, quy chế và chế độ chính sách đối với người lao động tại 04 đơn vị trực thuộc, gồm: Chi nhánh Hà Nam, Chi nhánh Ninh Bình, Chi nhánh Bim Sơn, Chi nhánh Hoàng Mai.

## **10. Các công tác khác:**

- Tổ chức Tập huấn PCCC cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty năm 2019.

- Hưởng ứng triển lãm ảnh kỷ niệm 120 năm xi măng Hải Phòng với ngành công nghiệp thành phố cảng Hải Phòng.

- Tích cực tham gia và đạt giải cao tại Hội thao VICEM 2019 chào mừng kỷ niệm 120 năm ngày truyền thống Ngành Xi măng Việt Nam và 40 năm thành lập Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

- Tổ chức Tập huấn an toàn lao động và PCCC cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty năm 2019.

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020**

#### **I. Nhận định tình hình kinh tế xã hội năm 2020:**

##### **1. Những thuận lợi:**

- VICEM đang triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu với mục tiêu đổi mới toàn diện nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, nghiên cứu phát minh công nghệ sản xuất xi măng thế hệ mới làm thay đổi căn bản công nghệ hiện nay hướng tới mục tiêu VICEM xanh phát triển bền vững.

- Vicem Comatce được giao nhiệm vụ trong logistic bùn thải, rác thải phục vụ trong chuỗi giá trị tuần hoàn trong đề án của VICEM.

##### **2. Những khó khăn:**

- Tồn kho của TKV cũng như các nhà máy nhiệt điện đang ở mức thấp, TKV tập trung xuất khẩu các chủng loại than trong nước không có nhu cầu sử dụng (cám 1,2,3a,3b...), giữ nguyên tốc độ khai thác so với năm 2019, tăng cường chế biến than nhập khẩu và nội địa để tiêu thụ cho các hộ nhiệt điện dẫn đến nguồn than 4a.1 cho sản xuất xi măng sẽ tiếp tục khó khăn.

- Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung dự báo có nhiều tác động đối với thị trường xuất nhập khẩu và tỷ giá USD.

- Đặc biệt là dịch bệnh Covid 19 lan rộng và diễn biến phức tạp khó lường tác động nhiều chiều lên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế; với 3 tác động chính vào tăng trưởng,



đầu tư và thương mại; gián đoạn các chuỗi giá trị sản xuất quan trọng; suy giảm tiêu dùng tác động lớn đến dịch vụ và du lịch, ảnh hưởng đến SXKD của các đơn vị trong VICEM.

- Đối với ngành xi măng năm 2020 cũng sẽ gặp một số khó khăn: Nguồn cung năm 2020 dự kiến khoảng 110 triệu tấn, trong khi nhu cầu trong nước khoảng 71 triệu tấn. Xuất khẩu xi măng sẽ gặp nhiều khó khăn do thế giới có nhiều bất ổn về chính trị, kinh tế, giá nhiên liệu dự báo sẽ tiếp tục tăng và khó kiểm soát.

- Đối với Công ty: Kế hoạch mua bán than dự kiến ở mức thấp tương đương so với thực hiện năm 2019 do:

+ Xu hướng giảm thiểu tối đa sử dụng năng lượng không tái tạo và sử dụng chất thải để tạo năng lượng cho ngành công nghiệp xi măng của các công ty SXXM.

+ Biến động giảm giá than thế giới gây khó khăn đến nguồn than của Công ty.

- Thị trường bất động sản tăng trưởng thấp.

## II. Mục tiêu sản xuất kinh doanh phần đầu đạt trong Quý 1/2020 và năm 2020 :

STT	Nội dung	Đvt	KH 2020	Kế hoạch Q1/2020	Kế hoạch T1/2020	Kế hoạch T2/2020	Kế hoạch T3/2020
<b>I</b>	<b>Kinh doanh</b>						
<b>A</b>	<b>Kinh doanh than</b>						
1	Mua vào	Tấn	630.000	120.000	35.000	42.000	43.000
2	Bán ra	Tấn	720.000	145.000	45.000	50.000	50.000
<b>B</b>	<b>Kinh doanh BDS</b>						
1	Bán căn hộ	Căn	24	2	0	0	2
2	Cho thuê văn phòng	m <sup>2</sup>	1.405	177,31	0	0	177,31
<b>C</b>	<b>Kinh doanh Đoàn Vận tải</b>						
	Sản lượng vận tải	tấn	54.000	13.500	4.500	4.500	4.500
<b>D</b>	<b>Kinh doanh Rác thải</b>						
	Chuyển giao	tấn	40.000	0	0	0	0
<b>E</b>	<b>Kinh doanh Bùn thải</b>						
	Chuyển giao	tấn	200.000	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Tài chính</b>	<b>Tr.đ</b>					
1	Tổng Doanh thu		1.888.032	359.189	116.128	119.267	123.794
2	Lợi nhuận	"	16.495	3.000	1.000	1.000	1.000
	Lợi nhuận sau thuế	"	13.196	2.400	800	800	800
3	Nộp ngân sách	"	13.851	3.000	1.000	1.000	1.000
4	EBITDA		53.180				
5	Tỷ lệ cổ tức (bằng tiền)		3%				
6	R.O.E (LN/VCSH)		3,30%				
7	R.O.S (LNST/DTT)		0,7%				
<b>III</b>	<b>Lao động – tiền lương</b>						
1	Tổng số lao động	Người	189	199	199	197	197
2	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng/thg	14,3	8,70	8,70	8,70	8,70

## III. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm:

Với những phân tích, đánh giá, nhận định nêu trên, để đạt được lợi nhuận kinh doanh như kế hoạch năm 2020 đã đề ra, Công ty cần tập trung vào từng lĩnh vực với một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

## 1. Đối với than:

- Tiếp tục làm việc TKV, Tổng Đông Bắc đảm bảo duy trì nguồn mua than 3c.1; 4a.1; 5a.3 như kế hoạch SXKD đã xây dựng 2020 để chủ động nguồn than.

- Bám sát diễn biến thị trường than trong nước và thế giới, tiếp tục tăng cường tìm kiếm các nguồn than có giá cả hợp lý, chất lượng phù hợp dùng cho sản xuất xi măng của các công ty thuộc Vicem để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

- Tiết giảm tối đa các chi phí để đảm bảo giá cung cấp than cạnh tranh, tăng thị phần cung cấp than cho các Công ty SXXM trong VICEM.

- Giảm tối đa hàng tồn kho trên bãi, xây dựng định mức hàng tồn kho phù hợp với thực tế bán hàng và năng lực tài chính của Công ty, phối hợp với các Công ty SXXM về tiến độ, thời gian nhập hàng để có phương án cung cấp tối ưu.

- Tiếp tục tổ chức đấu thầu rộng rãi lựa chọn các đối tác vận chuyển; bốc xếp; bảo hiểm hàng hóa và thuê dịch vụ chế biến đảm bảo tính minh bạch cũng như lựa chọn được những đối tác vận chuyển đảm bảo đầy đủ năng lực và giá cả cạnh tranh, ổn định trong xu hướng giá xăng dầu trong nước thường xuyên biến động.

- Tiếp tục các biện pháp tăng cường quản lý, kiểm soát hàng hóa trong quá trình giao nhận, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi để đảm bảo chất lượng hàng hóa và giảm hao hụt ở mức thấp nhất so với định mức của từng công đoạn; xây dựng lại định mức hao hụt đối với một số tuyến ngắn.

- Kiểm soát tốt quy trình kiểm tra chất lượng và kiểm soát chất lượng phương tiện vận tải đảm bảo ổn định chất lượng hàng hóa giữa hai đầu.

**2. Bất động sản:** Lợi nhuận kinh doanh bất động sản (sản phẩm dự án tòa nhà Comatce Tower) năm 2020 dự kiến 14,339 tỷ đồng.

### \* Kinh doanh bán căn hộ:

- Số lượng căn hộ dự kiến bán năm 2020 là 24 căn hộ, phần đầu bán hết tất cả số căn hộ còn lại.

- Số lượng căn hộ đã bán lũy kế đến hết năm 2020 dự kiến là: 93 căn / tổng số 100 căn.

- Doanh thu bán căn hộ: doanh thu của 25 căn hộ bàn giao trong năm 2020 là: 104,59 tỷ đồng.

### \* Kinh doanh cho thuê văn phòng:

- Diện tích văn phòng cho thuê mới: 2.127,31 m<sup>2</sup>.

- Diện tích cho thuê lũy kế đến hết năm 2020 là: 8.541,81 m<sup>2</sup>, đạt tỷ lệ lấp đầy 91,22%.

- Doanh thu cho thuê là: 21,532 tỷ đồng.

Công ty triển khai một số giải pháp trọng tâm như sau:

+ Rà soát xây dựng lại giá bán;

+ Xem xét điều chỉnh lại chính sách bán hàng đối với căn hộ phù hợp với tình hình thị trường, thúc đẩy đẩy bán nhà để sớm thu hồi vốn, trên nguyên tắc vẫn đảm bảo hiệu quả của dự án;

+ Tìm kiếm đơn vị tư vấn bán hàng có uy tín để hợp tác;

+ Tăng cường công tác quảng cáo truyền thông.

**3. Đoàn Vận tải:** Phần đầu đạt lợi nhuận kinh doanh 2020 đạt 2,082 tỷ đồng.

- Đổi mới, đa dạng hóa phương thức kinh doanh, dịch vụ vận tải; phối hợp chặt chẽ với các phòng, chi nhánh trong việc vận chuyển hàng hóa nội bộ; tăng cường khai thác thêm hàng hàng hóa ra thị trường bên ngoài, theo nhu cầu xã hội để tăng vòng quay cho các đoàn phương tiện khu vực phía Bắc;

✓ - Triển khai thực hiện đưa 03 tàu trong tải 1.623 tấn vào khai thác ở khu vực phía Nam cho Công ty Vận tải Hà Tiên thuê và phối hợp chặt chẽ công tác quản lý phương tiện; thanh toán, quyết toán.

#### **4. Đối với các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh mới:**

##### **4.1. Công tác quản lý vận hành tòa nhà Comatce Tower:**

- Hoàn thành các thủ tục xin cấp chứng chỉ vận hành;  
- Kiện toàn tổ chức nhân sự Ban quản lý tòa nhà; Xây dựng các phương án, quy trình, quản lý vận hành để sẵn sàng tiếp nhận việc quản lý vận hành tòa nhà nhằm đảm bảo việc làm tăng nguồn thu, tiết kiệm chi phí góp phần vào hiệu quả kinh doanh chung của Công ty.

4.2. *Cung cấp bùn thải, rác thải:* Hoàn thiện hồ sơ thủ tục pháp lý, đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh để đủ điều kiện thu gom, vận chuyển rác thải, bùn thải.

**Rác thải:** Tiếp tục bám sát, phối hợp phòng kỹ thuật VICEM và các công ty SXXM, các sở ban ngành thực hiện đề án sử dụng rác thải, bùn thải vào SXXM theo chỉ đạo của VICEM.

- Nguồn rác sẽ được lấy từ các đơn vị tại địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận để đảm bảo đủ nguồn cung cấp.

+ Giai đoạn đầu của các nhà máy khi đốt thử nghiệm, Vicem Comatce sẽ triển khai cung cấp các nguyên nhiên liệu theo yêu cầu các nhà máy.

+ Giai đoạn sau khi các nhà máy có giấy phép đồng xử lý rác sinh hoạt, công nghiệp thông thường trong các lò xi măng Vicem Comatce triển khai đồng loạt các chủng loại rác cấp vào nhà máy.

- Để đảm bảo việc vận chuyển vào các nhà máy và môi trường trong khuôn viên nhà máy không bị phát tán gây ô nhiễm cũng như giảm diện tích kho chứa đặc thù tại nhà máy. Dự kiến Vicem Comatce sẽ triển khai xử lý trong công đoạn giám sát phân loại rác – khử mùi – đóng kiện – vận chuyển.

**Bùn thải:** Khối lượng dự kiến thực hiện trong năm 2020 cung cấp cho hai nhà máy 200.000 tấn dự kiến 100 % từ Yên Sở. Tiếp tục nghiên cứu tham gia dự án nạo vét Hồ Tây (dự kiến thực hiện công đoạn ép khô bùn và vận chuyển logistic).

Lợi nhuận từ việc kinh doanh chuyển giao bùn thải vào nhà máy hiện tại Vicem Comatce tính trên cơ sở dịch vụ quản lý vận chuyển (logistic).

#### **5. Công tác tài chính:**

- Tăng cường công tác hoàn thiện chứng từ và đơn đốc thu hồi công nợ tại các nhà máy để giảm số dư nợ bình quân, giảm chi phí tài chính, cân đối đủ vốn trong thanh toán.

- Thường xuyên rà soát, tiết kiệm các chi phí ở mức hợp lý; phân tích đánh giá hoạt động tài chính làm cơ sở để các đơn vị triển khai thực hiện.

- Điều hành tốt nguồn vốn ngắn hạn thông qua đẩy mạnh thu hồi nợ, làm việc với các Ngân hàng để được cấp tín dụng với lãi suất cạnh tranh.

#### **6. Công tác tổ chức - lao động:**

- Hoàn thiện đề án tái cấu trúc Công ty để trình VICEM xem xét; hoàn thiện việc đổi tên Công ty theo định hướng chiến lược của VICEM;
- Kiện toàn công tác cán bộ, bố trí sắp xếp lao động hợp lý để nâng cao năng suất lao động;
- Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí đánh giá kết quả công việc KPI, triển khai sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương hệ số phù hợp cho các đơn vị trong Công ty;
- Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu mới về SXKD.

#### 7. Công tác khác:

- Tổ chức thành công hội nghị tổng kết 2019, Hội nghị đại biểu người lao động, đại hội đồng cổ đông thường niên theo tiến độ và thời gian quy định;
- Hoàn thiện đánh giá công tác ISO;
- Phát động thi đua Quý I/2020;
- Triển khai kế hoạch phòng chống lụt bão năm 2020;
- Phát động phong trào An toàn VSLĐ và Phòng chống cháy nổ 2020;
- Tiếp tục nghiên cứu cập nhật các ứng dụng công nghệ mới vào phần mềm quản lý;
- Thực hiện tốt an sinh xã hội.

*Trân trọng báo cáo!*

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/cáo);
- Ban KS;
- Lưu: VT, KH.



GIÁM ĐỐC

Trần Khắc Mạnh

Số: 672/TTTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2020

## TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng;

Căn cứ kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên Website của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng, bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán viên
2. Bảng cân đối Kế toán
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh báo cáo tài chính

Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán được đính kèm tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, PC&QHCD.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TÀI XI MĂNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Hà Nội, tháng 02 năm 2020

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Lê Xuân Khôi	Chủ tịch
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Ủy viên
Ông Trịnh Quang Hải	Ủy viên
Ông Phùng Thanh Hồng	Ủy viên
Ông Hoàng Vũ Thắng	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Khắc Mạnh	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09/01/2020)
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09/01/2020)
Ông Trịnh Công Giang	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 

**Trần Khắc Mạnh**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2020



Số: 10/2020/BCKT-AVI-TC1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 02 năm 2020, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán nhằm phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại thuyết minh số 34 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Các số liệu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính là các số liệu đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo Thông báo kết luận của Kiểm toán nhà nước số 532/TB-KTNN ngày 16/08/2019. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Nguyễn Thương**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 0308-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2020

**Trần Thị Trang**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 2909-2020-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**MẪU SỐ B01 - DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>854.575.271.452</b>	<b>1.151.959.584.141</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>40.964.841.863</b>	<b>27.116.752.660</b>
1. Tiền	111	5	40.964.841.863	27.116.752.660
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>404.655.680.428</b>	<b>664.634.919.669</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	403.836.325.597	625.094.692.118
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		254.694.673	38.069.138.311
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	564.660.158	1.471.089.240
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>371.911.657.510</b>	<b>413.894.177.299</b>
1. Hàng tồn kho	141		371.911.657.510	413.894.177.299
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.043.091.651</b>	<b>46.313.734.513</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	577.004.461	839.013.622
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.672.938.674	45.474.720.891
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	793.148.516	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>278.874.344.561</b>	<b>284.353.639.728</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	70.000.000	70.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>27.278.482.212</b>	<b>28.944.394.898</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	24.757.832.897	25.946.552.551
- Nguyên giá	222		49.526.058.056	48.980.090.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.768.225.159)	(23.033.538.102)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	1.616.427.098	2.012.286.794
- Nguyên giá	225		2.375.158.182	2.375.158.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(758.731.084)	(362.871.388)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	904.222.217	985.555.553
- Nguyên giá	228		1.239.593.360	1.239.593.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(335.371.143)	(254.037.807)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>251.432.395.107</b>	<b>254.477.947.167</b>
- Nguyên giá	231		265.251.812.449	259.953.452.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.819.417.342)	(5.475.505.026)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>93.467.242</b>	<b>861.297.663</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	81.213.839	849.044.260
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		12.253.403	12.253.403
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.133.449.616.013</b>	<b>1.436.313.223.869</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**MẪU SỐ B01 - DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>718.571.912.197</b>	<b>995.020.600.882</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>667.445.856.513</b>	<b>949.735.897.939</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	37.409.598.227	111.245.441.811
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.425.267.596	1.236.801.826
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	-	8.906.639.343
4. Phải trả người lao động	314		10.273.576.769	8.143.556.361
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.537.062.355	16.961.943.585
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	2.670.060.428	2.083.242.790
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	9.113.583.151	5.921.351.984
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	603.525.000.000	787.125.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.491.707.987	8.111.920.239
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>51.126.055.684</b>	<b>45.284.702.943</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	48.544.409.871	43.054.362.961
2. Phải trả dài hạn khác	337	18	2.012.895.813	1.136.589.982
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	568.750.000	1.093.750.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>414.877.703.816</b>	<b>441.292.622.987</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>414.877.703.816</b>	<b>441.292.622.987</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		311.998.250.000	311.998.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		311.998.250.000	311.998.250.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		87.686.191.024	87.686.191.024
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.193.262.792	41.608.181.963
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.278.710.132	23.732.948.344
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.914.552.660	17.875.233.619
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.133.449.616.013</b>	<b>1.436.313.223.869</b>

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2020

Người lập



Lê Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng



Phùng Thanh Hồng

Giám đốc



Trần Khắc Mạnh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**MẪU SỐ B02- DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	2.169.602.607.962	3.444.077.235.545
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.169.602.607.962	3.444.077.235.545
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.914.382.094.408	3.083.293.376.078
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		255.220.513.554	360.783.859.467
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.018.589.963	26.224.340.008
7. Chi phí tài chính	22	24	50.839.636.300	51.803.098.932
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	50.697.479.620	51.794.044.855
8. Chi phí bán hàng	25	25	154.914.837.811	197.044.126.162
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	38.386.846.344	41.824.194.099
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.097.783.062	96.336.780.282
11. Thu nhập khác	31	26	4.978.301.970	6.067.543.225
12. Chi phí khác	32	27	682.222.765	48.454.708.622
13. Lợi nhuận khác	40		4.296.079.205	(42.387.165.397)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.393.862.267	53.949.614.885
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	3.479.309.607	19.155.431.714
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	1.319.037.052
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.914.552.660	33.475.146.119
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	414	812

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2020

Người lập

Lê Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Phùng Thanh Hồng

Giám đốc



Trần Khắc Mạnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**MẪU SỐ B03 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>16.393.862.267</b>	<b>53.949.614.885</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11.312.129.365	8.247.669.692
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(7.439.720)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(110.187.815)	(252.073.397)
- Chi phí lãi vay	06	50.697.479.620	51.794.044.855
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>78.293.283.437</b>	<b>113.731.816.315</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	267.235.785.998	(36.693.734.591)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	41.982.519.789	239.890.168.848
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(23.107.086.207)	(80.716.144.287)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.029.839.582	2.823.257.489
- Tiền lãi vay đã trả	14	(51.023.585.917)	(53.680.489.816)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.948.197.626)	(12.425.688.917)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.749.859.083)	(7.811.321.999)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>288.712.699.973</b>	<b>165.117.863.042</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(60.802.765.135)	(61.527.520.936)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	50.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60.187.815	260.542.883
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(60.692.577.320)</b>	<b>(61.266.978.053)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**MẪU SỐ B03 - DN**

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.010.650.000.000	2.975.700.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.194.250.000.000)	(3.095.461.408.754)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(525.000.000)	(756.408.182)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.047.033.450)	(63.320.087.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(214.172.033.450)</b>	<b>(183.837.904.536)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>13.848.089.203</b>	<b>(79.987.019.547)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>27.116.752.660</b>	<b>107.096.332.487</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	7.439.720
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>40.964.841.863</b>	<b>27.116.752.660</b>

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2020

Người lập



Lê Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng



Phùng Thanh Hồng

Giám đốc



Trần Khắc Mạnh

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2006; Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100106352, thay đổi lần thứ 15 ngày 14/01/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 311.998.250.000 đồng, tương đương 31.199.825 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VTV.

Trụ sở chính của Công ty tại số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Bán buôn nguyên liệu phi kim loại dùng cho sản xuất xi măng (đá bazan, thạch cao,...) và bán buôn tro bay; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác các khoáng chất khác dùng làm phụ gia sản xuất xi măng (đá bazan, thạch cao,...);
- Chế biến than đá và các loại phụ gia dùng cho sản xuất xi măng và nhu cầu khác của xã hội;
- Kinh doanh khai thác, chế biến xylitol và phế liệu khác phục vụ cho sản xuất xi măng và các nhu cầu khác của xã hội;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (than đá và nhiên liệu rắn khác);
- Bán buôn kim loại dùng cho sản xuất xi măng (quặng sắt, bô xít, silic,...); Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán trực tiếp nhiên liệu, giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng, đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ), bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng);
- Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.



**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc Công ty**

Tổ chức của Công ty bao gồm trụ sở chính tại số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, chi tiết như sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty tại Hoàng Thạch	Xã Minh Tân, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương
2	Chi nhánh Công ty tại Quảng Ninh	Tổ 5 K12, phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
3	Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng	Số 20 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
4	Văn phòng đại diện tại Phú Thọ	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
5	Chi nhánh Công ty tại Bim Sơn	Số 6 đường Nguyễn Huệ, phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa
6	Chi nhánh Công ty tại Hà Nam	Thôn La Mát, xã Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
7	Chi nhánh Công ty tại Hoàng Mai	Thôn Tân Sơn, xã Quỳnh Thiện, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
8	Chi nhánh Công ty tại Ninh Bình	Số 2, Đường Hoàng Diệu, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
9	Đoàn vận tải	Số 24, tổ 47 thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
10	Văn phòng đại diện phía Nam	Số 25/1 đường số 4BK, phường Bình Khánh, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Doanh nghiệp hoạt động liên tục.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được trích lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<b>Năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 15
Thiết bị văn phòng	03

#### **Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao**

Thuê tài sản được xác định là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Công ty ghi nhận nguyên giá tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (nếu giá trị này thấp hơn giá trị hợp lý) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Tài sản đi thuê tài chính của Công ty là phương tiện vận tải (ô tô) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 06 năm.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm máy tính, giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại chi nhánh Hải Phòng. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài.

#### **Bất động sản đầu tư và khấu hao**

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng tương ứng với phần sở hữu riêng của Công ty bao gồm 06 sàn thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội do Công ty xây dựng, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm hoàn thành công việc xây dựng.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các nhóm bất động sản đầu tư như sau:

	<b>Năm</b>
Quyền sử dụng đất (*)	-
Nhà cửa, vật kiến trúc	42,5
Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị	10 - 15

(\*): Công ty không trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tương ứng với phần sở hữu riêng thuộc Dự án Comatce Tower của Công ty.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm;
- Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 36 tháng;
- Chi phí liên quan đến hoạt động bán nhà qua sàn giao dịch bất động sản chờ phân bổ, được phân bổ vào kết quả kinh doanh phù hợp với doanh thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh bất động sản.

#### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, trích trước giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán...

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê bất động sản đầu tư; được phân bổ vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền đã thu được và số kỳ thu tiền trước.

**Ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

**Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

**Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; chiết khấu thanh toán; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- (a) Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ theo thông báo của tổ chức tín dụng.
- (b) Chiết khấu thanh toán được ghi nhận theo thông báo của bên nhận thanh toán (nhà cung cấp).
- (c) Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

**Thu nhập khác** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TÀI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	102.752.000	71.040.000
Tiền gửi ngân hàng	40.862.089.863	27.045.712.660
<b>Cộng</b>	<b><u>40.964.841.863</u></b>	<b><u>27.116.752.660</u></b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	82.422.712.046	178.738.406.322
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	35.908.128.651	54.570.710.346
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	84.097.359.086	111.979.471.410
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	80.199.965.092	122.186.905.406
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	52.417.122.863	54.515.384.101
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	15.411.226.050	49.781.544.003
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	18.643.984.651	26.156.995.413
Các khoản phải thu khách hàng khác	34.735.827.158	27.165.275.117
<b>Cộng</b>	<b><u>403.836.325.597</u></b>	<b><u>625.094.692.118</u></b>

**Phải thu khách hàng là bên liên quan**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	82.422.712.046	178.738.406.322
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	35.908.128.651	54.570.710.346
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	84.097.359.086	111.979.471.410
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	80.199.965.092	122.186.905.406
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	52.417.122.863	54.515.384.101
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	15.411.226.050	49.781.544.003
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	18.643.984.651	26.156.995.413

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TÀI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>564.660.158</b>	<b>-</b>	<b>1.471.089.240</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập cá nhân	332.176.726	-	246.288.952	-
Tạm ứng	63.400.000	-	529.517.306	-
Phạt hao hụt hàng hóa	27.378.255	-	552.206.791	-
Phải thu khác	141.705.177	-	143.076.191	-
<b>Dài hạn</b>	<b>70.000.000</b>	<b>-</b>	<b>70.000.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	70.000.000	-	70.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>634.660.158</b>	<b>-</b>	<b>1.541.089.240</b>	<b>-</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	200.253.944	-	316.592.168	-
Thành phẩm bất động sản (*)	99.920.619.680	-	142.820.987.571	-
Hàng hoá	271.790.783.886	-	270.756.597.560	-
<b>Cộng</b>	<b>371.911.657.510</b>	<b>-</b>	<b>413.894.177.299</b>	<b>-</b>

(\*): Thành phẩm bất động sản của Công ty bao gồm giá trị xây dựng và quyền sử dụng đất phân bổ cho hàng hóa bất động sản là các căn hộ thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội ("Dự án"). Đến ngày 31/12/2019, Công ty đã thực hiện quyết toán hoàn thành giá trị đầu tư của Dự án và đang chờ phê duyệt của các cấp có thẩm quyền. Giá trị đầu tư Dự án được Công ty tạm thời phân bổ vào giá thành thành phẩm bất động sản (căn hộ chung cư) và bất động sản đầu tư (phần sở hữu của Công ty dùng để cho thuê) theo tiêu thức được Kiểm toán nhà nước kiến nghị khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 tại Công ty; các điều chỉnh (nếu có) sẽ được Công ty ghi nhận vào báo cáo tài chính sau khi có phê duyệt quyết toán Dự án của cấp có thẩm quyền. (Xem thêm Thuyết minh số 13).

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>577.004.461</b>	<b>839.013.622</b>
Chi phí mua bảo hiểm	282.526.354	150.191.403
Chi phí bán nhà dự án Dự án tòa nhà Comatce	294.478.107	58.962.090
Chi phí sửa chữa	-	629.860.129
<b>Dài hạn</b>	<b>81.213.839</b>	<b>849.044.260</b>
Chi phí sửa chữa	81.213.839	849.044.260
<b>Cộng</b>	<b>658.218.300</b>	<b>1.688.057.882</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09 - DN

**10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2019	6.671.167.988	2.521.166.293	39.464.312.736	323.443.636	48.980.090.653
Mua trong năm	-	675.454.545	626.849.818	-	1.302.304.363
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(756.336.960)	-	(756.336.960)
Tại ngày 31/12/2019	6.671.167.988	3.196.620.838	39.334.825.594	323.443.636	49.526.058.056
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2019	5.219.996.501	1.444.660.584	16.109.067.794	259.813.223	23.033.538.102
Khấu hao trong năm	211.262.988	364.552.595	1.875.602.374	39.606.060	2.491.024.017
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(756.336.960)	-	(756.336.960)
Tại ngày 31/12/2019	5.431.259.489	1.809.213.179	17.228.333.208	299.419.283	24.768.225.159
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2019	1.451.171.487	1.076.505.709	23.355.244.942	63.630.413	25.946.552.551
Tại ngày 31/12/2019	1.239.908.499	1.387.407.659	22.106.492.386	24.024.353	24.757.832.897
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	2.653.549.430	921.045.112	12.979.144.132	204.625.454	16.758.364.128

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TÀI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<u>Phương tiện vận tải</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2019	2.375.158.182	2.375.158.182
Thuê trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2019	<u>2.375.158.182</u>	<u>2.375.158.182</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2019	362.871.388	362.871.388
Khấu hao trong năm	395.859.696	395.859.696
Tại ngày 31/12/2019	<u>758.731.084</u>	<u>758.731.084</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2019	<u>2.012.286.794</u>	<u>2.012.286.794</u>
Tại ngày 31/12/2019	<u>1.616.427.098</u>	<u>1.616.427.098</u>

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2019	389.593.360	850.000.000	1.239.593.360
Tại ngày 31/12/2019	<u>389.593.360</u>	<u>850.000.000</u>	<u>1.239.593.360</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2019	254.037.807	-	254.037.807
Khấu hao trong năm	81.333.336	-	81.333.336
Tại ngày 31/12/2019	<u>335.371.143</u>	<u>-</u>	<u>335.371.143</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2019	<u>135.555.553</u>	<u>850.000.000</u>	<u>985.555.553</u>
Tại ngày 31/12/2019	<u>54.222.217</u>	<u>850.000.000</u>	<u>904.222.217</u>

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<b>01/01/2019</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>31/12/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>259.953.452.193</b>	<b>9.344.262.249</b>	<b>4.045.901.993</b>	<b>265.251.812.449</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	158.505.530.266	-	4.045.896.661	154.459.633.605
Cơ sở hạ tầng	50.501.928.553	9.344.262.249	-	59.846.190.802
Quyền sử dụng đất	50.945.993.374	-	5.332	50.945.988.042
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	<b>5.475.505.026</b>	<b>8.343.912.316</b>	<b>-</b>	<b>13.819.417.342</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.568.569.565	3.742.487.055	-	6.311.056.620
Cơ sở hạ tầng	2.906.935.461	4.601.425.261	-	7.508.360.722
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>254.477.947.167</b>	<b>9.344.262.249</b>	<b>12.389.814.309</b>	<b>251.432.395.107</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	155.936.960.701	-	7.788.383.716	148.148.576.985
Cơ sở hạ tầng	47.594.993.092	9.344.262.249	4.601.425.261	52.337.830.080
Quyền sử dụng đất	50.945.993.374	-	5.332	50.945.988.042

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng tương ứng với phần sở hữu riêng của Công ty bao gồm 06 sàn thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội do Công ty xây dựng, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Giá trị tăng, giảm của các Bất động sản đầu tư được điều chỉnh do trong năm Công ty đã thực hiện quyết toán các gói thầu. (Xem thêm Thuyết minh số 08).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TÀI XI MĂNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	17.633.673.836	17.633.673.836	-	-
Công ty TNHH Long Sơn	2.345.050.934	2.345.050.934	9.456.535.267	9.456.535.267
Công ty TNHH Thiên Phú	3.519.709.936	3.519.709.936	4.735.117.253	4.735.117.253
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	443.995.086	443.995.086	29.914.699.896	29.914.699.896
Xí nghiệp khai thác khoáng sản 16 - CN Công ty TNHH MTV 16	1.298.595.810	1.298.595.810	20.994.743.530	20.994.743.530
Phải trả cho các đối tượng khác	12.168.572.625	12.168.572.625	46.144.345.865	46.144.345.865
<b>Cộng</b>	<b>37.409.598.227</b>	<b>37.409.598.227</b>	<b>111.245.441.811</b>	<b>111.245.441.811</b>

**Phải trả người bán là các bên liên quan**

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam  
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019		Số đã nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2019	
	VND	Kê khai khấu trừ bổ sung VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.226.271.261	2.226.271.261	7.278.447.200	7.278.447.200	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.680.368.082	-	3.479.309.607	10.948.197.626	(788.519.937)	(788.519.937)	(788.519.937)	(788.519.937)
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	916.288.274	920.916.953	(4.628.679)	(4.628.679)	(4.628.679)	(4.628.679)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.714.087.928	1.714.087.928	-	-	-	-
Các khoản khác	-	-	287.762.254	287.762.254	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.906.639.343</b>	<b>2.226.271.261</b>	<b>13.675.895.263</b>	<b>21.149.411.961</b>	<b>(793.148.616)</b>	<b>(793.148.616)</b>	<b>(793.148.616)</b>	<b>(793.148.616)</b>

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

793.148.516

8.906.639.343

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	779.967.396	1.106.073.693
Chi phí vận chuyển	637.094.959	2.336.149.157
Giá vốn bất động sản đã bán	-	13.428.040.811
Chi phí phải trả khác	120.000.000	91.679.924
<b>Cộng</b>	<b>1.537.062.355</b>	<b>16.961.943.585</b>

**17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty phản ánh tiền cho thuê văn phòng nhận trước của các khách hàng tại Dự án Comatce Tower. Số tiền cho thuê nhận trước từ 01 năm trở xuống được phân loại là doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, tiền cho thuê nhận trước từ trên 01 năm được phân loại là doanh thu chưa thực hiện dài hạn.

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.113.583.151</b>	<b>5.921.351.984</b>
Kinh phí công đoàn	33.442.161	189.176
Bảo hiểm xã hội	3.611.477	-
Phải trả về cổ tức	2.806.672.947	1.653.881.397
Kinh phí bảo trì của Tòa nhà Comatce	5.862.115.608	4.003.502.816
Nhận đặt cọc, ký quỹ	256.925.239	20.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	150.815.719	243.778.595
<b>Dài hạn</b>	<b>2.012.895.813</b>	<b>1.136.589.982</b>
Nhận đặt cọc, ký quỹ	2.012.895.813	1.136.589.982
<b>Cộng</b>	<b>11.126.478.964</b>	<b>7.057.941.966</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TÀI XI MĂNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN**

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>787.125.000.000</b>	<b>786.600.000.000</b>	<b>2.011.175.000.000</b>	<b>2.194.775.000.000</b>	<b>603.525.000.000</b>	<b>603.525.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	206.200.000.000	206.200.000.000	817.750.000.000	751.550.000.000	272.400.000.000	272.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ (2)	173.000.000.000	173.000.000.000	437.900.000.000	479.500.000.000	131.400.000.000	131.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	198.400.000.000	198.400.000.000	279.500.000.000	477.900.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (3)	77.000.000.000	77.000.000.000	365.500.000.000	295.300.000.000	147.200.000.000	147.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (4)	132.000.000.000	132.000.000.000	83.500.000.000	190.000.000.000	25.500.000.000	25.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội (5)	-	-	26.500.000.000	-	26.500.000.000	26.500.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (6)	525.000.000	-	525.000.000	525.000.000	525.000.000	525.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.093.750.000</b>	-	-	<b>525.000.000</b>	<b>568.750.000</b>	<b>568.750.000</b>
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (6)	1.093.750.000	-	-	525.000.000	568.750.000	568.750.000
<b>Cộng</b>	<b>788.218.750.000</b>	<b>786.600.000.000</b>	<b>2.011.175.000.000</b>	<b>2.195.300.000.000</b>	<b>604.093.750.000</b>	<b>604.093.750.000</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT128-VICEM VTV ngày 16/12/2019 với hạn mức cho vay là 450 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Các khoản vay theo từng giấy nhận nợ có thời hạn không quá 05 tháng. Lãi suất áp dụng theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 20890.19.051.441555 ngày 14/06/2019 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 15/05/2020. Các khoản vay theo từng kế ước nhận nợ có thời hạn không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay theo từng kế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TÀI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

- (3) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HK1-HĐCTD/18087 ngày 22/11/2018 với hạn mức tín dụng là 250 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các khoản vay theo từng khế ước nhận nợ có thời hạn không quá 05 tháng. Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch theo hợp đồng tín dụng số 3107/2019/HĐTD ngày 31/07/2019 với hạn mức cho vay là 150 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 108.1367/2019/HĐHM-PN/Pg bank HN ngày 29/10/2019 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 29/10/2019 đến ngày 29/10/2020. Lãi suất cho vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (6) Khoản nợ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 01007/2018/TSC-CTTC ngày 26/01/2018. Giá trị tài sản cho thuê là ô tô Toyota Lancruiser Prado 30F-053.85 trị giá 2.581.180.000 đồng. Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Kể từ ngày lãi suất hết hiệu lực, lãi suất cho thuê bằng chi phí huy động vốn thực tế của Bên cho thuê tài chính cộng 2,5%/năm nhưng ko thấp hơn lãi suất sàn cho vay trung hạn của Ngân hàng quy định trong từng thời kỳ và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn cho thuê là 48 tháng kể từ ngày tài sản được bàn giao. Biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng là việc Bên thuê chuyển cho Bên cho thuê tài chính số tiền đặt cọc là 70.000.000 đồng.

**Kế hoạch trả các khoản nợ dài hạn chi tiết:**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	525.000.000	525.000.000		
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	568.750.000	1.093.750.000		
Sau năm năm	-	-		
<b>Cộng</b>	<b>1.093.750.000</b>	<b>1.618.750.000</b>		
Nợ dài hạn đến hạn trả	525.000.000	525.000.000		
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>568.750.000</b>	<b>1.093.750.000</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09 - DN

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	<b>311.998.250.000</b>	<b>75.584.571.562</b>	<b>12.101.619.462</b>	<b>83.296.084.344</b>	<b>482.980.525.368</b>
Lãi trong năm	-	-	-	33.475.146.119	33.475.146.119
Trích lập các quỹ	-	-	-	(12.763.398.500)	(12.763.398.500)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	(46.799.737.500)	(46.799.737.500)
Tặng quỹ Đầu tư phát triển từ Quý khác	-	12.101.619.462	(12.101.619.462)	-	-
Tạm chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(15.599.912.500)	(15.599.912.500)
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>311.998.250.000</b>	<b>87.686.191.024</b>	-	<b>41.608.181.963</b>	<b>441.292.622.987</b>
Lãi trong năm	-	-	-	12.914.552.660	12.914.552.660
Trích lập các quỹ	-	-	-	(8.129.646.831)	(8.129.646.831)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(31.199.825.000)	(31.199.825.000)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>311.998.250.000</b>	<b>87.686.191.024</b>	-	<b>15.193.262.792</b>	<b>414.877.703.816</b>

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 592/2019/NQ - ĐHĐCĐ ngày 24/04/2019 của Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2018 được phân phối như sau:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 8.129.646.831 đồng, trong đó thưởng Ban điều hành 275.000.000 đồng và thưởng người lao động 7.854.646.831 đồng.
- Chia cổ tức: 46.799.737.500 đồng, trong đó đã tạm phân phối trong năm 2018 là 15.599.912.500 đồng và phân phối trong năm 2019 là 31.199.825.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TÀI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ góp vốn	31/12/2019	01/01/2019
	%	VND	VND
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	62,95	196.417.210.000	196.417.210.000
Các cổ đông khác	37,05	115.581.040.000	115.581.040.000
<b>Cộng</b>	<b>100</b>	<b>311.998.250.000</b>	<b>311.998.250.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	311.998.250.000	311.998.250.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	311.998.250.000	311.998.250.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>31.199.825.000</b>	<b>62.399.650.000</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.199.825	31.199.825
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.199.825	31.199.825
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	31.199.825	31.199.825
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.199.825	31.199.825
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	31.199.825	31.199.825
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)</i>	10.000	10.000

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng hoá	2.078.763.366.041	3.186.811.355.725
Doanh thu bán bất động sản	61.657.229.388	245.963.198.825
Doanh thu cho thuê nhà, văn phòng làm việc	19.354.984.964	6.949.835.200
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	9.827.027.569	4.352.845.795
<b>Cộng</b>	<b>2.169.602.607.962</b>	<b>3.444.077.235.545</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TÀI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Doanh thu với các bên liên quan**

	<u>Năm 2019</u> <b>VND</b>	<u>Năm 2018</u> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	353.349.368.840	787.362.967.493
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	445.131.114.287	680.296.601.476
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	469.956.099.086	598.558.869.251
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	179.981.614.465	264.386.884.154
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	189.341.376.774	410.358.201.222
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	227.933.482.899	250.490.000.912
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	146.919.398.790	195.357.831.217
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	-	538.350.540

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2019</u> <b>VND</b>	<u>Năm 2018</u> <b>VND</b>
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.854.503.509.083	2.872.357.557.364
Giá vốn thành phẩm bất động sản	46.972.555.763	200.542.495.458
Giá vốn cho thuê nhà, văn phòng làm việc	8.393.024.467	5.505.219.001
Giá vốn dịch vụ khác	4.513.005.095	4.888.104.255
<b>Cộng</b>	<b><u>1.914.382.094.408</u></b>	<b><u>3.083.293.376.078</u></b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2019</u> <b>VND</b>	<u>Năm 2018</u> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	60.187.815	260.542.883
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.407.055	194.764.578
Chiết khấu thanh toán được hưởng	956.995.093	25.769.032.547
<b>Cộng</b>	<b><u>1.018.589.963</u></b>	<b><u>26.224.340.008</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2019</u> <b>VND</b>	<u>Năm 2018</u> <b>VND</b>
Lãi tiền vay	50.697.479.620	51.794.044.855
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.710.752	9.054.077
Chiết khấu thanh toán cho khách hàng	139.445.928	-
<b>Cộng</b>	<b><u>50.839.636.300</u></b>	<b><u>51.803.098.932</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>154.914.837.811</b>	<b>197.044.126.162</b>
Chi phí nhân công	19.586.754.961	21.802.020.119
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	2.759.945.440	3.053.005.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.308.964.670	2.166.686.726
Chi phí vận chuyển	101.220.489.949	137.451.596.838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.751.886.808	8.822.206.461
Chi phí khác	18.286.795.983	23.748.610.223
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>38.386.846.344</b>	<b>41.824.194.099</b>
Chi phí nhân công	19.409.108.230	20.946.165.162
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	274.755.319	401.613.045
Chi phí khấu hao tài sản cố định	610.140.228	575.763.965
Thuế, phí và lệ phí	1.786.281.177	1.735.694.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.978.890.697	2.114.174.206
Chi phí khác	14.327.670.693	16.050.783.253
<b>Cộng</b>	<b>193.301.684.155</b>	<b>238.868.320.261</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	50.000.000	-
Tiền phạt, bồi thường thu được	3.204.460.066	5.415.804.032
Các khoản khác (thu đôi nhật, ...)	1.723.841.904	651.739.193
<b>Cộng</b>	<b>4.978.301.970</b>	<b>6.067.543.225</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền chậm nộp tiền sử dụng đất tại dự án Comatce	-	48.173.598.101
Các khoản bị phạt	175.698.738	6.600.000
Các khoản khác (phạt đôi nhật, phí gom vét than...)	506.524.027	274.510.521
<b>Cộng</b>	<b>682.222.765</b>	<b>48.454.708.622</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>16.393.862.267</b>	<b>53.949.614.885</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.002.685.768</b>	<b>48.422.728.941</b>
- Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	1.002.685.768	48.422.728.941
+ Tiền phạt vi phạm	173.492.738	6.600.000
+ Các khoản chi ủng hộ	700.000.000	-
+ Phạt chậm nộp tiền sử dụng đất Dự án Comatce Tower	-	48.173.598.101
+ Chi phí khác	129.193.030	242.530.840
<b>Tổng Thu nhập chịu thuế</b>	<b>17.396.548.035</b>	<b>102.372.343.826</b>
<i>Trong đó chi tiết theo hoạt động :</i>		
<b>Hoạt động chuyển nhượng Bất động sản (BDS)</b>		
- Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng BĐS	11.868.042.365	38.828.841.848
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- <b>Thuế TNDN phải nộp (a)</b>	<b>2.373.608.473</b>	<b>7.765.768.370</b>
<b>Hoạt động kinh doanh thông thường</b>		
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	5.528.505.670	63.543.501.978
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- <b>Thuế TNDN phải nộp (b)</b>	<b>1.105.701.134</b>	<b>12.708.700.396</b>
<b>Thuế TNDN tạm nộp theo tiến độ thu tiền các hợp đồng mua bán căn hộ (c)</b>	<b>-</b>	<b>704.535.402</b>
<b>Thuế TNDN 1% đã nộp được hoàn (d)</b>	<b>-</b>	<b>(2.023.572.454)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (a+b+c+d)</b>	<b>3.479.309.607</b>	<b>19.155.431.714</b>

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>12.914.552.660</b>	<b>33.475.146.119</b>
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	8.129.646.831
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>12.914.552.660</b>	<b>25.345.499.288</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	31.199.825	31.199.825
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>414</b>	<b>812</b>

(\*) Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2019, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 592/2019/NQ - ĐHĐCĐ ngày 24/04/2019.

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.034.700.759	3.454.618.840
Chi phí nhân công	38.995.863.191	42.748.185.281
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.312.129.365	8.217.147.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.843.601.286	149.775.126.421
Chi phí khác bằng tiền	38.913.752.948	44.001.371.761
<b>Cộng</b>	<b>210.100.047.549</b>	<b>248.196.449.946</b>

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con của Vicem
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bím Sơn	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con của Vicem
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con của Vicem

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	-	1.657.014.845
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch (Phí gom vét than)	149.955.227	141.936.777
<b>Thu phạt</b>		
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	-	120.374.178
<b>Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam</b>		
Phí tư vấn chuyển giao công nghệ	1.084.801.304	5.166.115.853
Cổ tức phải trả	19.641.721.000	39.283.442.000
<b>Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban giám đốc</b>	<b>2.473.180.394</b>	<b>2.719.755.627</b>
Thù lao, tiền lương, phụ cấp của Hội đồng quản trị (bao gồm Giám đốc và Kế toán trưởng)	1.877.148.275	2.099.655.536
Tiền lương, phụ cấp Phó Giám đốc	596.032.119	620.100.091
<b>Tiền lương, thù lao, phụ cấp của Ban kiểm soát</b>	<b>752.636.749</b>	<b>679.476.665</b>
<b>Cổ tức trả cho cổ đông cá nhân là thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty</b>	<b>336.200.000</b>	<b>163.600.000</b>

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Các loại công cụ tài chính**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

	<b>Giá trị ghi số 31/12/2019</b>	<b>Giá trị ghi số 01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.964.841.863	27.116.752.660
Phải thu của khách hàng và phải thu khác	404.005.409.029	623.781.990.944
<b>Cộng</b>	<b>444.970.250.892</b>	<b>650.898.743.604</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	46.229.202.501	117.166.793.795
Chi phí phải trả	1.537.062.355	16.961.943.585
Vay và nợ thuê tài chính	604.093.750.000	788.218.750.000
<b>Cộng</b>	<b>651.860.014.856</b>	<b>922.347.487.380</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

**Rủi ro thị trường**

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất cố định (có điều chỉnh). Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định.



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **Quản lý rủi ro về giá cả**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng.

### **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

#### *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	46.229.202.501	-	-
Chi phí phải trả	1.537.062.355	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	603.525.000.000	568.750.000	-
<b>Cộng</b>	<b>651.291.264.856</b>	<b>568.750.000</b>	<b>-</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	117.166.793.795	-	-
Chi phí phải trả	16.961.943.585	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	787.125.000.000	1.093.750.000	-
<b>Cộng</b>	<b>921.253.737.380</b>	<b>1.093.750.000</b>	<b>-</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

### **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TÀI XI MĂNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán. Một số số liệu đầu năm đã được điều chỉnh hồi tố theo Thông báo số 532/TB-KTNN ngày 16/08/2019 về Kết quả kiểm toán Tại Công ty Cổ phần Vicem Vật tư vận tài xi măng của Kiểm toán nhà nước. Chi tiết như sau:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI 31/12/2018**

CHỈ TIÊU	Mã số	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>1.431.238.564.943</b>	<b>5.074.658.926</b>	<b>1.436.313.223.869</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>662.385.396.805</b>	<b>2.249.522.864</b>	<b>664.634.919.669</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	623.227.979.710	1.866.712.408	625.094.692.118
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.088.278.784	382.810.456	1.471.089.240
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>415.826.510.547</b>	<b>(1.932.333.248)</b>	<b>413.894.177.299</b>
Hàng tồn kho	141	415.826.510.547	(1.932.333.248)	413.894.177.299
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>28.727.482.873</b>	<b>216.912.025</b>	<b>28.944.394.898</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	25.729.640.526	216.912.025	25.946.552.551
- Nguyên giá	222	48.733.464.653	246.626.000	48.980.090.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(23.003.824.127)	(29.713.975)	(23.033.538.102)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>250.676.313.005</b>	<b>3.801.634.162</b>	<b>254.477.947.167</b>
- Nguyên giá	231	256.151.009.957	3.802.442.236	259.953.452.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	(5.474.696.952)	(808.074)	(5.475.505.026)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>122.374.540</b>	<b>738.923.123</b>	<b>861.297.663</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	110.121.137	738.923.123	849.044.260
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>992.224.652.088</b>	<b>2.795.948.794</b>	<b>995.020.600.882</b>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.110.690.549	2.795.948.794	8.906.639.343
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>439.013.912.855</b>	<b>2.278.710.132</b>	<b>441.292.622.987</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	39.329.471.831	2.278.710.132	41.608.181.963

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018**

CHỈ TIÊU	Mã số	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh
Giá vốn hàng bán	11	3.087.176.435.265	(3.883.059.187)	3.083.293.376.078
Chi phí bán hàng	25	196.009.454.640	1.034.671.522	197.044.126.162
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>51.101.227.220</b>	<b>2.848.387.665</b>	<b>53.949.614.885</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18.585.754.181	569.677.533	19.155.431.714
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>31.196.435.987</b>	<b>2.278.710.132</b>	<b>33.475.146.119</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.000	(188)	812

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2018**

CHỈ TIÊU	Mã số	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>51.101.227.220</b>	<b>2.848.387.665</b>	<b>53.949.614.885</b>
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.217.147.643	30.522.049	8.247.669.692
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(34.444.211.727)	(2.249.522.864)	(36.693.734.591)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	241.624.790.836	(1.734.621.988)	239.890.168.848
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(82.942.415.548)	2.226.271.261	(80.716.144.287)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.562.180.612	(738.923.123)	2.823.257.489
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>167.584.137.707</b>	<b>(2.466.274.665)</b>	<b>165.117.863.042</b>
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(61.145.407.936)	(382.113.000)	(61.527.520.936)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(60.884.865.053)</b>	<b>(382.113.000)</b>	<b>(61.266.978.053)</b>



Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2020

Người lập

*[Signature]*

Lê Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

*[Signature]*

Phùng Thanh Hồng

Trần Khắc Mạnh

Số: 673 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2020

### TỜ TRÌNH

V/v thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
I	Vốn điều lệ	311.998.250.000
II	Phân phối lợi nhuận	
1	Lợi nhuận thực hiện 2019	16.393.862.267
2	Thuế TNDN phải nộp	3.479.309.607
3	Lợi nhuận sau thuế có thể phân phối	15.193.262.792
	Lợi nhuận năm trước để lại	2.278.710.132
	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	12.914.552.660
4	Quỹ thưởng Người quản lý	182.660.000
5	Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.191.675.200
6	Trả cổ tức năm 2019 (tỷ lệ 3% bằng tiền)	9.359.947.500
7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	3.458.980.092

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, HĐQT, PC&QHCD

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT



Lê Xuân Khôi

Số: 666 /TTr-HDQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

### TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v Thông qua mức thù lao HDQT, BKS năm 2019 và Kế hoạch thù lao 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;
- Căn cứ Kết quả HĐKD năm 2019 và Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao năm 2019 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Kế hoạch thù lao năm 2020 như sau:

#### 1. Mức thù lao năm 2019:

Công ty đã thực hiện trả thù lao cho các thành viên HDQT, kiểm soát viên không chuyên trách của Công ty theo đúng mức nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua là 336.000.000 đồng. Tổng số thù lao năm 2019 đã thực hiện trả là: 336.000.000 đồng.

#### 2. Kế hoạch thù lao, tiền lương năm 2020:

Để tăng cường hơn nữa công tác quản trị của HDQT và công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát, HDQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch năm 2020 để chi trả thù lao cho HDQT và BKS như sau:

a. Thù lao của thành viên HDQT, BKS không chuyên trách:

STT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao tối đa (đồng/người/tháng)	Số tháng/năm	Thành tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>5</b>			<b>264.000.000</b>
1	Chủ tịch HDQT	1	6.000.000	12	72.000.000
2	Ủy viên HDQT	4	4.000.000	12	192.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>3</b>			<b>72.000.000</b>
	Ủy viên ban kiểm soát	2	3.000.000	12	72.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>336.000.000</b>



b. Lương và các chế độ khác của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách làm việc toàn thời gian tại Công ty hưởng lương tương đương chức danh Trưởng phòng theo quy chế trả lương của Công ty và các quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận: *hsk*  
- Như kính gửi; *Ph*  
- HĐQT;  
- PC&QHCB;  
- Lưu VT, TCLĐ *Ph*

**TẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**  
  
*Lê Xuân Khôi*

**Lê Xuân Khôi**

352-C.T.C.P  
Y  
N  
M  
N TAI  
NG  
TP. HÀ NỘI



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ  
CỔ PHẦN VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *Đk.* /TTr-BKS

Hà Nội, ngày *18* tháng *6* năm 2020

## TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM  
VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;
- Căn cứ yêu cầu công tác tổ chức hoạt động và quản lý của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;

Ban Kiểm Soát Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng kính trình Đại hội việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty như sau:

### **1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập**

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín và được chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

### **2. Đề xuất**

Để chuẩn bị cho việc kiểm toán tài chính năm 2020, Ban Kiểm Soát Công ty kính trình Đại hội phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE).
3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua!

**T/M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT, BKS, HĐQT

**Nguyễn Thị Thu Hà**

Số: 667 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2020

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13, ngày 26/11/2014 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;

Căn cứ Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ban hành ngày 06/7/2018 của Chính phủ về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng,

Để việc tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với định hướng chiến lược phát triển của Vicem trong giai đoạn tới và đúng các quy định hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

1. Đăng ký bổ sung các ngành nghề sau vào danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải	3811 Luật bảo vệ môi trường
2	Thu gom rác thải độc hại	3812
3	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
4	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
5	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Bùn thải	3700
6	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
7	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất thạch cao	2394
8	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4711
9	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4719





10	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
11	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ ( Điều 3 Nghị định 96/2016/NĐ-CP)	8010
12	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
13	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
14	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
15	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329

2. Bổ sung chi tiết cho mã ngành đã đăng ký để thực hiện chức năng quản lý vận hành tòa nhà:

STT	Mã ngành	Tên ngành hiện tại	Tên ngành sau khi bổ sung
1	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất  - Chi tiết: + Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản;  + <i>Quản lý vận hành: Nhà cao tầng, nhà chung cư, văn phòng, khối dịch vụ thương mại.</i>
2	5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động của bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ  Chi tiết: + Hoạt động của bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; + <i>Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ</i>

(Các ngành nghề khác vẫn giữ nguyên theo danh mục đã đăng ký)

Khoản 1 Điều 4 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty về “Ngành nghề kinh doanh của Công ty” sẽ được sửa đổi, bổ sung tương ứng với nội dung thay đổi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình! *uel*

Nơi nhận: *an*  
- Như trên;  
- PC&QHCD;  
- Lưu VT, HĐQT. *m*



Lê Xuân Khôi

Số: 668 /TTr-VTVT

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2020

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Đổi tên Công ty và thay đổi chức danh của Ban Giám đốc Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ đề án tái cơ cấu tổ chức phục vụ chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2020-2025,

Để tạo điều kiện giao dịch và kinh doanh theo định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn mới, thuận lợi hơn cho quá trình tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc đổi tên Công ty và thay đổi chức danh của Ban Giám đốc Công ty như sau:

1. Đổi tên Công ty

a) Thay đổi tên gọi Công ty như sau:

	Tên Công ty đã đăng ký	Tên gọi mới của Công ty
Tên công ty viết bằng tiếng Việt	Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM
Tên Công ty viết bằng tiếng Anh	VICEM MATERIALS TRANSPORT CEMENT JOINT STOCK COMPANY	VICEM Energy and Environment Joint Stock Company
Tên Công ty viết tắt	VICEMCOMATCE., JSC	VICEM E&E JSC

b) Đổi tên gọi các Chi nhánh và Văn phòng đại diện trực thuộc Công ty như sau:

STT	Tên các chi nhánh và văn phòng đại diện đã đăng ký	Tên các chi nhánh và văn phòng đại diện thay đổi theo tên mới của Công ty
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Quảng Ninh	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Quảng Ninh
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Hoàng Thạch Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hoàng Thạch Địa chỉ trụ sở chính: Phường Minh Tân, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Hải Phòng	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hải Phòng
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Hà Nam	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hà Nam
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Ninh Bình	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Ninh Bình



6	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Bim Sơn	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Bim Sơn
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Hoàng Mai	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hoàng Mai
8	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng - Đoàn vận tải	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM - Đoàn vận tải
9	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Phú Thọ	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Phú Thọ
10	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng - phía Nam	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM - phía Nam

2. Thay đổi chức danh của Công ty

- “Giám đốc” đổi thành “Tổng Giám đốc”
- “Phó Giám đốc” đổi thành “Phó Tổng Giám đốc”
- “Ban Giám đốc” đổi thành “Ban Tổng Giám đốc”

3. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty tại các phần, điều, khoản liên quan do việc đổi tên Công ty và thay đổi các chức danh của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PC&QHCD;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT



Lê Xuân Khôi



Số: 663./TT- HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

**TỜ TRÌNH**

(V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng)

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty  
Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng

Điều lệ hiện tại của Công ty có một số điều khoản không phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty. Do vậy, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ được đính kèm Tờ trình này).

Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình! 

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HĐQT, PC&QHCD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Lê Xuân Khôi**

**Phụ lục**

(kèm theo tờ trình số /TTr-HĐQT ngày / /2020)

**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỐ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

STT	Danh mục điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Lý do										
1		<p><b>PHẦN MỞ ĐẦU</b></p> <p>..... chúng tôi, những cổ đông Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng</p>	<p><b>PHẦN MỞ ĐẦU</b></p> <p>.... chúng tôi, những cổ đông Công ty cổ phần [cụm từ mới]</p>											
2	Điều 1. Giải thích từ ngữ, điểm 1 khoản 1	<p>1. “Công ty” là Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;</p>	<p>“Công ty” là Công ty Cổ phần [cụm từ mới]</p>											
3	Điều 2. Tên hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động Khoản 1	<p>1. Tên Công ty: - Tên đầy đủ tiếng Việt: Công ty cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng - Tên tiếng Anh: VICEM MATERIALS TRANSPORT CEMENT JOINT STOCK COMPANY. - Tên viết tắt: VICEMCOMATCE., JSC.</p>	<p>1. Tên Công ty: - Tên đầy đủ tiếng Việt: Công ty Cổ phần [cụm từ mới] - Tên tiếng Anh: VICEM Energy and Environment Joint Stock Company - Tên viết tắt: VICEM E&amp;E JSC</p>											
4	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	<p>4. Tên các Chi nhánh và văn phòng đại diện</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty</p>	<p>4. Tên các Chi nhánh và văn phòng đại diện</p> <p><b>Bổ sung các ngành nghề kinh doanh sau:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên ngành</th> <th>Mã ngành</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thu gom rác thải không độc hại</td> <td>3811 (Luật bảo vệ MT)</td> </tr> <tr> <td>Thu gom rác thải độc hại</td> <td>3812</td> </tr> <tr> <td>Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại</td> <td>3821</td> </tr> <tr> <td>Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại</td> <td>3822</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngành	Mã ngành	Thu gom rác thải không độc hại	3811 (Luật bảo vệ MT)	Thu gom rác thải độc hại	3812	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822	<p>Đổi tên Chi nhánh và văn phòng đại diện khi nhận được trả lời chính thức từ Phòng ĐKKD</p>
Tên ngành	Mã ngành													
Thu gom rác thải không độc hại	3811 (Luật bảo vệ MT)													
Thu gom rác thải độc hại	3812													
Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821													
Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822													

STT	Danh mục điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Lý do												
			<p>Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Bùn thải 3700</p> <p>Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác 3900</p> <p>Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao 2394</p> <p>Chi tiết: Sản xuất thạch cao 4711</p> <p>Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)</p> <p>Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp 4719</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)</p> <p>Dịch vụ phục vụ đồ uống 5630</p> <p>Hoạt động bảo vệ tư nhân 8010</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ ( Điều 3 Nghị định 96/2016/NĐ-CP)</p> <p>Vệ sinh chung nhà cửa 8121</p> <p>Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt 8129</p> <p>Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan 8130</p> <p>Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu 9329</p>													
		<p>Bổ sung chi tiết cho mã ngành</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã ngành</th> <th>Tên ngành hiện tại</th> <th>Tên ngành sau khi bổ sung</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>6820</td> <td>Tư vấn, môi giới, đầu giá</td> <td>Tư vấn, môi giới, đầu giá</td> </tr> </tbody> </table>	Mã ngành	Tên ngành hiện tại	Tên ngành sau khi bổ sung	6820	Tư vấn, môi giới, đầu giá	Tư vấn, môi giới, đầu giá	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã ngành</th> <th>Tên ngành hiện tại</th> <th>Tên ngành sau khi bổ sung</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Mã ngành	Tên ngành hiện tại	Tên ngành sau khi bổ sung				Chi tiết bổ sung in đậm nghiêng
Mã ngành	Tên ngành hiện tại	Tên ngành sau khi bổ sung														
6820	Tư vấn, môi giới, đầu giá	Tư vấn, môi giới, đầu giá														
Mã ngành	Tên ngành hiện tại	Tên ngành sau khi bổ sung														

STT	Danh mục điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Lý do	
		<p>bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất</p> <p>- Chi tiết:</p> <p>Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;</p> <p>Dịch vụ môi giới, định giá, sản giao dịch bất động sản.</p>	<p>Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất</p> <p>- Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới, định giá, sản giao dịch bất động sản.</p>	<p>Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất</p> <p>- Chi tiết:</p> <p>+ Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới, định giá, sản giao dịch bất động sản;</p> <p>+ <i>Quản lý vận hành: Nhà cao tầng, nhà chung cư, văn phòng, kho dịch vụ thương mại.</i></p>	
		<p>5225</p> <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp vận tải đường bộ</p> <p>Chi tiết: Hoạt động của bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa</p>	<p>6820</p> <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ</p> <p>Chi tiết: Hoạt động của bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa</p>	<p>5225</p> <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp vận tải đường bộ</p> <p>Chi tiết:</p> <p>+ Hoạt động của bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;</p> <p>+ <i>Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ</i></p>	
5	Thay đổi chức danh	<p>- Giám đốc</p> <p>- Phó Giám đốc</p> <p>- Ban Giám đốc</p>	<p>- Tổng Giám đốc</p> <p>- Phó Tổng Giám đốc</p> <p>- Ban Tổng Giám đốc</p>	<p>- Thay đổi toàn bộ các phần, khoản, điều trong Điều lệ Công ty có các cụm từ này.</p>	

STT	Danh mục điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Lý do
6	Khoản 1 Điều 3 - Người đại diện theo pháp luật của Công ty	1. Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty	1. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	- Nâng tầm chức danh quản lý theo đề án tái cơ cấu tổ chức phục vụ chiến lược sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025.
7	Khoản 2 Điều 15 – Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:	Phù hợp Điều 135, Khoản 4 Điều 144 và Khoản 1 Điều 145, Luật Doanh nghiệp
8	Khoản 3 Điều 20 - Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. <b>Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</b> a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.	- Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. - Quy định cụ thể các hình thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ



STT	Danh mục điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Lý do
9	Điều 21 - Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu <b>bầu</b> của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p>	<p><b>Bổ sung: Đại hội đồng cổ đông thông qua mọi nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, hoặc lấy ý kiến của các cổ đông bằng văn bản. Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm máy tính, dịch vụ công nghệ thông tin trong việc biểu quyết để tạo thuận lợi cho cổ đông.</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu <b>biểu quyết</b> của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <b>(trong trường hợp tổ chức họp) hoặc ít nhất 51% số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):</b></p>	<p>Bổ sung thêm hình thức biểu quyết để phù hợp với quy định tại điểm c, Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>
	<p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có liên quan đến việc <b>thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh</b>, sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu <b>bầu</b> các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có liên quan đến việc <b>thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh</b>, sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu <b>biểu quyết</b> của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <b>(trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</b></p>	<p>Phù hợp Khoản 1, Khoản 4 Điều 144 và Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>	

STT	Danh mục điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Lý do
10	Khoản 2 Điều 27- Quyên hạn và nghĩa vụ của HĐQT	1. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán; <b>thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.</b>	1. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán; <b>thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 135 và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</b> <b>Đối với hợp đồng mua, bán than phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (trừ các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp và Khoản 5 Điều 40 Điều lệ này), Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc Công ty quyết định trên cơ sở đảm bảo hiệu quả.</b>	Phù hợp quy định tại Điều h, khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty
11	Khoản 3 Điều 35 – Quyên hạn của Giám đốc Điểm i	1. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán (trong trường hợp cần thiết vì lợi ích chung của Công ty, Giám đốc có thể xin ý kiến của hội đồng quản trị trước khi thực hiện);	i. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán (trong trường hợp cần thiết vì lợi ích chung của Công ty, Giám đốc có thể xin ý kiến của hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện); <b>quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.</b> <b>Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp</b>	- Phù hợp quy định tại Điều h, khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp Và điểm a, Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp. - Tăng sự chủ động của Giám đốc Công ty trong việc điều hành và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, bởi vì: + Tổng giá trị tài sản của Công ty nhỏ hơn rất nhiều so với các Công ty xi măng (có doanh thu tương đương), nhưng giá trị hợp đồng mua than lớn nên Công ty sẽ gặp khó khăn, lỡ cơ hội kinh

STT	Danh mục điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Lý do
12	<p><b>Điều 40. Trách nhiệm tránh các dung đột về quyền lợi</b></p>	<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị <b>nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%)</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng</p>	<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị <b>nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%)</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>doanh khi hạn chế thẩm quyền của Giám đốc dưới 10% TGTTS, cụ thể:  + TGTTS ngày 31/12/2019: 1.133 tỷ, dự kiến đến hết quý 2 năm 2020 tổng giá trị TS của Công ty khoảng 900 tỷ đồng  + Hợp đồng mua bán than với các Công ty xi măng thường lớn hơn 10% TGTTS;  + Các hợp đồng tín dụng của Công ty với các ngân hàng cũng thường có giá trị lớn hơn 10% TGTTS;</p>

STT	Danh mục điều khoản	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Lý do
		<p>như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>HĐQT thì các hợp đồng này phải được ĐHCĐ thông qua (thủ tục phức tạp và mất nhiều thời gian)</p>
13	Khoản 1 Điều 56- Điều lệ Công ty	<p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p>	<p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được xem xét và quyết định bởi các cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng giá trị cổ phần có quyền biểu quyết tham gia trực tiếp hoặc ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông hoặc được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản quyết định bởi ít nhất 51% số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.</p>	

Số: 670 /TB-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2020

## THÔNG BÁO

*Về việc đề cử nhân sự để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021 Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng*

### Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;
- Đơn từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

Ngày 17/06/2020, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng đã nhận được thông báo thay đổi người đại diện vốn của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, đồng thời đã nhận được các Đơn từ nhiệm của các ông sau đây:

1. Ông: Lê Xuân Khôi Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông: Huỳnh Trung Hiếu Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
3. Ông: Tạ Hữu Hiền Chức vụ: Kiểm soát viên

Như vậy, căn cứ các Đơn từ nhiệm của các thành viên HĐQT/BKS, số lượng thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016 – 2021 của Công ty sẽ bị khuyết 02 và 01 thành viên.

Theo đó, để đảm bảo cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng theo đúng quy định, Hội đồng quản trị xin thông báo tới Quý cổ đông về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng như sau:

- 1. Dự kiến số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2021 bầu bổ sung:**
  - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung nhiệm kỳ 2016 - 2021: 02 thành viên.
  - Số lượng thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung nhiệm kỳ 2016 - 2021: 01 thành viên.
- 2. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:**
  - Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (06) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (07) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên được đề cử tối đa năm (08) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm cho đủ số ứng viên Hội đồng quản trị.

### **3. Tiêu chuẩn của các ứng viên đề cử vào Hội đồng quản trị:**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

### **4. Điều kiện để cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:**

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Ban kiểm soát;



- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (06) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (07) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên được đề cử tối đa năm (08) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm cho đủ số ứng viên Ban kiểm soát.

#### **5. Tiêu chuẩn của ứng cử viên đề cử vào Ban kiểm soát**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp.

#### **6. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao CMND, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.
- Hồ sơ đề cử, ứng cử xin gửi về Công ty Cổ phần Cổ phần VICEM Vật tư Vân tải Xi măng trước 16h00 ngày 24/6/2020 theo địa chỉ sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

Địa chỉ: Số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
Điện thoại: 024.32.321.372

Ban tổ chức sẽ tập hợp danh sách các cá nhân đủ điều kiện được ứng cử, đề cử đưa vào danh sách bầu chính thức tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

Xin trân trọng thông báo. *md* ✓

BM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT  
9  
*Lê Xuân Khôi*



Lê Xuân Khôi





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ MIỄN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

Kính gửi: **BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

CMND/ĐKKD số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Hiện đang sở hữu/đại diện: ..... cổ phần (Bằng chữ: .....

Tương ứng với tổng mệnh giá là: .....

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần VICEM  
Vật tư Vận tải Xi măng cho tôi được đề cử:

Ông (Bà): .....

CMTND/ĐKKD số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: ..... Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần (Bằng chữ: .....

Tương ứng với tổng mệnh giá là: .....

Làm ứng cử viên tham gia vào ..... Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận  
tải Xi măng nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu cử trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường  
niên ngày 29/6/2020.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày ..... tháng ..... năm 2020

**CỔ ĐÔNG**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

### **Ghi chú:**

Đơn đề cử phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 16h00 ngày 24/6/2020 về địa chỉ:

Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng

Địa chỉ: Số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.32.321.372



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

## ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT

(dùng cho nhóm cổ đông)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

Kính gửi: **BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020 CÔNG TY  
CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

Hôm nay, ngày...../...../2020, tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng cùng nhau nắm giữ ..... cổ phần, chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách đính kèm cùng nhất trí đề cử:

Ông (Bà): .....

CMTND số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: ..... Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng): .....

Làm ứng cử viên tham gia vào ..... Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng nhiệm kỳ 2016 -2021 được bầu cử trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/6/2020.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà): .....

CMTND số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng): .....

làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2020

**ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

### **Ghi chú:**

Đơn đề cử phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 16h00 ngày 24/6/2020 về địa chỉ:

Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng

Địa chỉ: Số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.32.321.372



**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ**

(Người được đề cử:.....)

Cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
		<b>Tổng cộng</b>		

Số: 671 /QC-VTVT

Hà Nội, ngày 8 tháng 0 năm 2020

**QUY CHẾ**  
**BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT**  
**NHIỆM KỲ 2016-2021**  
**TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

**Chương I: Đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

**Điều 1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu Giám đốc) và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

**Điều 2. Đề cử, ứng cử viên Hội đồng quản trị:**

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (06) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (07) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên được đề cử tối đa năm (08) ứng viên vào Hội đồng quản trị;

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm cho đủ số ứng viên Hội đồng quản trị.

**Điều 3. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị**

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia Hội đồng quản trị (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao CMND, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

**Điều 4. Lựa chọn các ứng cử viên:**

Dựa trên các Đơn đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2020 của Công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để bầu thành viên Hội đồng quản trị.

**Chương II: Đề cử thành viên Ban kiểm soát**

**Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp.

**Điều 6. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên vào Ban kiểm soát;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (06) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (07) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên được đề cử tối đa năm (08) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm cho đủ số ứng viên Ban kiểm soát.

**Điều 7. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu thành viên Ban kiểm soát**

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia Ban kiểm soát (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao CMND, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

**Điều 8. Lựa chọn các ứng cử viên:**

Dựa trên các Đơn xin đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2020 của Công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện theo quy định trình đại hội cổ đông để bầu thành viên Ban kiểm soát.

**Chương III: Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát**

**Điều 9. Đối tượng thực hiện bầu cử**

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

**Điều 10. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu**

**1. Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát**

Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

**2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu**

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo mã số tham dự;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.

**3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ**

- Phiếu không theo mẫu quy định của Ban tổ chức Đại hội, không có dấu của Công ty;

- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

### **Điều 11. Phương thức bầu cử**

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện bỏ theo phương thức bầu dồn phiếu;

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.

- Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

### **Điều 12. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

#### **1. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử**

a. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử có trách nhiệm:

- Thông qua Quy chế bầu cử;

- Phát phiếu bầu và hướng dẫn cách thức ghi phiếu bầu;

- Tiến hành kiểm phiếu;

- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

#### **3. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

a. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu và bầu cử công bố trước Đại hội.

### **Điều 13. Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát.**

Nguyên tắc bầu dồn phiếu: Theo hướng dẫn quy định tại phụ lục đính kèm theo Quy chế này.

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị là 02 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất;

+ Ứng cử viên trúng cử vào Ban kiểm soát là 01 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất;

+ Trong trường hợp không lựa chọn được số thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát theo dự kiến do có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có số phiếu bầu cao hơn.

**Điều 14. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu**

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

**Điều 15. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.**

Quy chế này gồm có 15 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua. *meb*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, PC&QHCD, HĐQT.



Lê Xuân Khôi



# PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT

(Theo phương thức bầu dồn phiếu)

## 1. Loại phiếu bầu:

- Phiếu màu vàng: bầu thành viên Hội đồng quản trị
- Phiếu màu xanh: bầu thành viên Ban kiểm soát

## 2. Bỏ phiếu:

- Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được bỏ vào thùng phiếu niêm phong.

## 3. Ghi phiếu bầu:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát.
- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn toàn bộ phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

### Ví dụ:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 02 thành viên Hội đồng quản trị trong tổng số 03 ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$1.000 \text{ cổ phần} \times 2 = 2.000 \text{ Phiếu bầu.}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

**Trường hợp 1:** Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều số phiếu bầu của mình cho 2 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 1.000 phiếu bầu)

Họ tên ứng cử viên	Số quyền biểu quyết được bầu
1. Ứng viên 1	1.000
2. Ứng viên 2	1.000
3. Ứng viên 3	0
<b>Tổng số phiếu bầu</b>	<b>2.000</b>

**Trường hợp 2:** Cổ đông Nguyễn Văn A dồn toàn bộ phiếu bầu của mình cho 1 ứng viên

Họ tên ứng cử viên	Số quyền biểu quyết được bầu
1. Ứng viên 1	0
2. Ứng viên 2	2.000
3. Ứng viên 3	0
<b>Tổng số quyền đã biểu quyết</b>	<b>2.000</b>

**Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho một số ứng viên**

Họ tên ứng cử viên	Số quyền biểu quyết được bầu
1. Ứng viên 1	700
2. Ứng viên 2	800
3. Ứng viên 3	500
<b>Tổng số quyền đã biểu quyết</b>	<b>2.000</b>

**5. Phiếu bầu không hợp lệ**

- Phiếu không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty.
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa mà không có chữ ký nháy ở phần sửa đúng.
- Ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được DHDCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

**Trường hợp 4: Phiếu bầu không hợp lệ do vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ**

Họ tên ứng cử viên	Số quyền biểu quyết được bầu
1. Ứng viên 1	0
2. Ứng viên 2	2.000
3. Ứng viên 3	1.000
<b>Tổng số quyền đã biểu quyết (1)</b>	<b>3.000</b>

- Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử.

Số: 675 /TTr-VTVT

Hà Nội, ngày 8 tháng 06 năm 2020

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị  
và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng
- Đơn xin từ nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát;

Ngày 17/6/2020, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng nhận được các Đơn từ nhiệm của các ông sau đây:

1. Ông: Lê Xuân Khôi Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông: Huỳnh Trung Hiếu Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
3. Ông: Tạ Hữu Hiện Chức vụ: Thành viên Kiểm soát viên

Theo đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát đối với các ông có tên sau đây:

1. Ông: Lê Xuân Khôi Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông: Huỳnh Trung Hiếu Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
3. Ông: Tạ Hữu Hiện Chức vụ: Thành viên Kiểm soát viên

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng, số lượng thành viên HĐQT/BKS là 05 và 03 thành viên. Như vậy, số lượng thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2016 – 2021 của Công ty sẽ bị khuyết 02 và 01 thành viên.

Theo đó, để đảm bảo cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng theo đúng quy định, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung nhiệm kỳ 2016-2021: 02 thành viên.

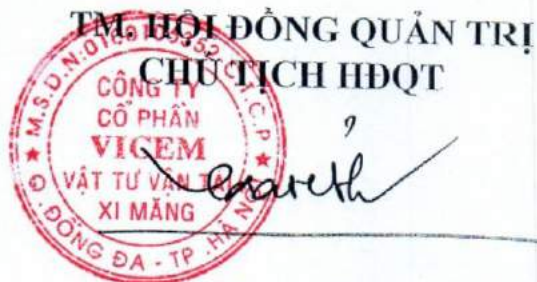


- Số lượng thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung nhiệm kỳ 2016-2021: 01 thành viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu VP, HDQT, PC&QHCD



Lê Xuân Khôi



Số: /2020/NQ-DHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**Dự thảo**

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng*

*Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng ngày /4/2020,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và Kế hoạch hoạt động năm 2020 với ..... cổ phần tán thành, tương đương .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019 và Kế hoạch hoạt động năm 2020 với ..... cổ phần tán thành, tương đương .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và Kế hoạch SXKD năm 2020 với ..... cổ phần tán thành, tương đương .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, một số chỉ tiêu chính như sau:

**3.1 Kết quả kinh doanh 2019**

- Tổng sản lượng bán ra, kinh doanh	
+ Than cám:	882.101 tấn
+ Vận chuyển:	111.321 tấn
- Tổng doanh thu:	2.175.599 tr. đ
- Lợi nhuận trước thuế:	16.394 tr.đ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:	.....tr.đ
- Lợi nhuận sau thuế:	12.915 tr. đ
- Nộp ngân sách:	21.149 tr.đ
- Tỷ lệ trả cổ tức (bằng tiền):	3%

- Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu:	11,85%
- Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản:	.....%
- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu:	.....%

## 1.2 Kế hoạch kinh doanh phần đầu năm 2020

- Tổng sản lượng bán ra và vận tải:	
+ Than cám:	720.000 tấn
+ Vận chuyển:	54.000 tấn
+ Kinh doanh rác thải:	40.000 tấn
+ Kinh doanh bùn thải:	200.000 tấn
- Doanh thu:	1.888.032 tr.đ
- Lợi nhuận trước thuế:	16.495 tr.đ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:	..... tr.đ
- Lợi nhuận sau thuế:	13.196 tr.đ
- Nộp ngân sách:	13.851 tr.đ
- Tỷ lệ trả cổ tức (bằng tiền):	3%
- Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu:	3,3 %
- Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản:	.....%
- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu:	0,7%

**Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 theo nội dung Tờ trình số..... với ..... cổ phần tán thành, tương đương .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội**

**Điều 5: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 theo nội dung Tờ trình số..... với ..... cổ phần tán thành, tương đương .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội; cụ thể như sau:**

1. Tổng lợi nhuận sau thuế có thể phân phối năm 2019:	15.193.262.792đ,
<i>Trong đó:</i>	
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018:	2.278.710.132đ
+ Lợi nhuận sau thuế năm 2019:	12.914.552.660đ
2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019	
Tổng lợi nhuận phân phối:	11.734.282.700đ
+ Chia cổ tức (tỷ lệ 3% bằng tiền):	9.359.947.500đ
+ Trích quỹ thưởng người quản lý:	182.660.000đ
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	2.191.675.200đ
3. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối:	3.458.980.092đ

**Điều 6: Thông qua mức thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và Kế hoạch thù lao 2020 theo nội dung Tờ trình số..... với ..... cổ phần tán thành, tương đương**

.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:

.....  
 .....

**Điều 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019 theo nội dung Tờ trình số..... với ..... cổ phần tán thành, tương đương .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;**

**Điều 8: Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh theo nội dung tờ trình số ...../TTr –HDQT với ..... cổ phần tán thành, tương đương .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:**

1. Đăng ký bổ sung các ngành nghề sau vào danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải	3811 Luật bảo vệ môi trường
2	Thu gom rác thải độc hại	3812
3	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
4	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
5	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Bùn thải	3700
6	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
7	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất thạch cao	2394
8	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4711
9	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4719
10	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
11	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ ( Điều 3 Nghị định 96/2016/NĐ-CP)	8010
12	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
13	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
14	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
15	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329

2. Bổ sung chi tiết cho mã ngành đã đăng ký:

STT	Mã	Tên ngành hiện tại	Tên ngành sau khi bổ sung
-----	----	--------------------	---------------------------

	ngành		
1	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất  - Chi tiết: + Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản;  + <i>Quản lý vận hành: Nhà cao tầng, nhà chung cư, văn phòng, khối dịch vụ thương mại.</i>
2	5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động của bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ  Chi tiết: + Hoạt động của bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; + <i>Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ</i>

(Các ngành nghề khác vẫn giữ nguyên theo danh mục đã đăng ký)

**Điều 9: Thông qua việc thay đổi tên Công ty và thay đổi chức danh của Công ty theo nội dung tờ trình ...../TTr –HĐQT với ..... cổ phần tán thành, tương đương .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:**

a) Thay đổi tên gọi Công ty như sau:

	Tên Công ty đã đăng ký	Tên gọi mới của Công ty
Tên công ty viết bằng tiếng Việt	Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM
Tên Công ty viết bằng tiếng Anh	VICEM MATERIALS TRANSPORT CEMENT JOINT STOCK COMPANY	VICEM Energy and Environment Joint Stock Company
Tên Công ty viết tắt	VICEMCOMATCE., JSC	VICEM E&E JSC

b) Đổi tên gọi các Chi nhánh và Văn phòng đại diện trực thuộc Công ty như sau:

STT	Tên các chi nhánh và văn phòng đại diện đã đăng ký	Tên các chi nhánh và văn phòng đại diện thay đổi theo tên mới của Công ty
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Quảng Ninh	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Quảng Ninh
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Hoàng Thạch Địa chỉ trụ sở chính : Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hoàng Thạch Địa chỉ trụ sở chính : Phường Minh Tân, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Hải Phòng	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hải Phòng
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Hà Nam	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hà Nam
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và



	tư Vận tải Xi măng tại Ninh Bình	Môi trường VICEM tại Ninh Bình
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Bim Sơn	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Bim Sơn
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Hoàng Mai	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hoàng Mai
8	Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng - Đoàn vận tải	Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM - Đoàn vận tải
9	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Phú Thọ	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Phú Thọ
10	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng - phía Nam	Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM - phía Nam

c) Thay đổi chức danh trong Ban Giám đốc

- Giám đốc đổi thành Tổng Giám đốc
- Phó Giám đốc đổi thành Phó Tổng Giám đốc
- Ban Giám đốc đổi thành Ban Tổng Giám đốc

**Điều 10:** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo nội dung Tờ trình số ...../TTr-HĐQT với ..... cổ phần tán thành, tương đương .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

**Điều 11:** Đại hội đã thống nhất bầu bổ sung thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 -2021 như sau:

Hội đồng quản trị gồm ..... thành viên trúng cử:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền biểu quyết tham dự ĐH (%)
			%
			%
			%

Ban kiểm soát gồm .... Thành viên trúng cử

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền biểu quyết tham dự ĐH (%)
			%
			%

			%
--	--	--	---

**Điều 12: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ...../...../2020**

Hội đồng quản trị, Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

***Nơi nhận:***

- HNX, UBCKNN (để b/c);
- VICEM (để b/c);
- Như điều 9;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Lê Xuân Khôi**